

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : LÊ THANH MAI

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Lê Thanh Mai

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thanh Mai

Mã SV: 2112041004

Lớp : QT2501K

Ngành : Kế toán – Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.

Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.

Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán

Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán thanh toán với người mua người bán năm 2023 tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam.

.....
.....
.....
.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2025

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2025

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Nguyễn Thị Thúy Hồng**
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: **Lê Thanh Mai - QT2501K** Chuyên ngành: *Kế toán - Kiểm toán*
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- + Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và có tinh thần học hỏi
- + Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Chương 1: Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam, có số liệu minh họa cụ thể theo hình thức Kế toán máy (Năm 2023). Số liệu minh họa trong bài viết khá phong phú và có tính logic.

Chương 3: Tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó đưa ra được một số biện pháp phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm
Giảng viên hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	7
LỜI MỞ ĐẦU	9
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI	9
2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	9
3. KẾT CẤU ĐỀ TÀI	9
CHƯƠNG 1. NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ.....	10
1.1. TỔNG QUAN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	10
1.2. NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.....	10
1.2.1. Các phương thức tiêu thụ.....	10
1.2.2. Các phương thức thanh toán.....	11
1.3. KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	11
1.3.1. Kế toán Doanh thu bán hàng và Các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
1.3.1.1. Nguyên tắc kế toán doanh thu.....	12
1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	15
1.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán	17
1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	21
1.3.3.1. Chi phí bán hàng	21
1.3.3.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22
1.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính	24
1.3.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	26
1.3.5. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp.....	26
1.3.6. Kế toán chi phí thuế TNDN.....	28
1.3.8. Sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh.....	30
1.3.8.1. Hình thức kế toán nhật ký chung	31
1.3.8.2. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	32
1.3.8.4. Hình thức kế toán máy	34
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM	36
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM.....	36
2.1.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM	36
Một số chỉ tiêu thể hiện quy mô của công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam ..	37

2.1.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM	37
2.1.3. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ KINH DOANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM	39
2.1.4. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM	39
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty	39
2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán mà Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam áp dụng	41
2.1.4.3. Phần mềm kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam	42
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM	43
2.2.1. THỦ TỤC BÁN HÀNG VÀ CHỨNG TỪ SỬ DỤNG	43
2.2.2. KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM.....	44
2.2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM.....	57
2.2.4. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM.....	62
2.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng	62
2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	64
2.2.5. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	69
2.2.6. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG.....	72
2.2.7. TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH	78
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM.	80
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM.	80
3.1.1. Ưu điểm	80
3.1.2. Nhược điểm	82
3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM ĐỂ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM..	82
KẾT LUẬN	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	88

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong xã hội ngày càng đổi mới không ngừng các doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại với mục tiêu chính là thu được lợi nhuận, các doanh nghiệp phải nhận thức được tầm quan trọng của khâu tiêu thụ hàng hóa vì nó quyết định đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Giống như các doanh nghiệp khác, Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam luôn coi kế toán là một bộ phận hỗ trợ đắc lực trong điều hành và quản lý các hoạt động kinh doanh của mình. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp, cùng với sự hướng dẫn tận tình của giảng viên hướng dẫn Nguyễn Thị Thuý Hồng và sự giúp đỡ của các anh chị kế toán tại công ty nên em chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam”*** làm đề tài khóa luận của mình đồng thời đề xuất những giải pháp để giúp công ty hoàn thiện bộ máy kế toán, góp phần để công ty phát triển vững mạnh.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập thông tin bằng các kỹ năng quan sát, tìm hiểu, phỏng vấn,... giúp em hiểu rõ hơn về công tác tổ chức kế toán của công ty và giải đáp các thắc mắc, qua đó giúp em tích lũy được những kinh nghiệm thực tế cho bản thân.

- Phương pháp thống kê: Dựa trên những số liệu đã được thống kê để phân tích, so sánh, đối chiếu từ đó nêu lên những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kinh doanh nhằm tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

3. Kết cấu đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Mục lục, các Danh mục và phần Kết luận thì luận văn được chia làm 3 chương gồm:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam.

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam.

CHƯƠNG 1. NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nên sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu không là Doanh thu. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Thông qua nghiệp vụ bán hàng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá được thực hiện; vốn của doanh nghiệp thương mại được chuyển từ hình thái hiện vật (hàng hoá) sang hình thái giá trị (tiền tệ), doanh nghiệp thu hồi được vốn bỏ ra, bù đắp được chi phí và có nguồn tích lũy để mở rộng kinh doanh.

Mối quan hệ trao đổi giữa doanh nghiệp với người mua là quan hệ "thuận mua vừa bán". Doanh nghiệp với tư cách là người bán phải chuyển giao sản phẩm cho người mua theo đúng các điều khoản quy định trong hợp đồng kinh tế đã ký giữa hai bên. Quá trình bán hàng được coi là kết thúc khi đã hoàn tất việc giao hàng và bên mua đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán cho số sản phẩm hàng hoá đó. Khi quá trình bán hàng chấm dứt doanh nghiệp sẽ có một khoản doanh thu về tiêu thụ sản phẩm, vật tư hàng hoá.

Doanh thu hoạt động tài chính: là một trong những cơ sở để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, thông qua hoạt động bán hàng doanh nghiệp có thể biết được lợi nhuận cao hay thấp? Từ đó sẽ biết được tình hình sản xuất kinh doanh và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình như thế nào để có phương hướng quản lý tốt hơn.

1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại

1.2.1. Các phương thức tiêu thụ

Doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp.

Là phương thức giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

Doanh thu bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán.

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất hàng gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Khi xuất hàng gửi đi bán thì hàng chưa được xác định tiêu thụ, tức là chưa được hạch toán vào doanh thu. Hàng gửi đi bán chỉ được hạch toán khi khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng theo phương thức bán trả chậm, trả góp.

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu tiền lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong trường hợp mua bán hàng. Phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

Doanh thu bán hàng theo phương thức đổi hàng.

Theo phương thức này, doanh nghiệp sản phẩm vật tư, hàng hóa để đổi lấy vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

Doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý.

Theo phương thức này, doanh nghiệp giao hàng cho đại lý để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi doanh nghiệp được các cơ sở đại lý thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu số hàng này.

1.2.2. Các phương thức thanh toán

Thanh toán ngay bằng tiền mặt: Hàng hóa của doanh nghiệp sau khi giao cho khách hàng, khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Thanh toán không bằng tiền mặt: Theo phương thức này, hàng hóa sau khi giao cho khách hàng, khách hàng có thể thanh toán bằng séc hoặc chuyển khoản.

1.3. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.1. Kế toán Doanh thu bán hàng và Các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.1.1. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

- Doanh thu và chi phí tạo ra khoản doanh thu đó phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

- Doanh thu, lãi hoặc lỗ chỉ coi là chưa thực hiện nếu doanh nghiệp còn trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai (trừ nghĩa vụ bảo hành thông thường) và chưa chắc chắn thu được lợi ích kinh tế; Việc phân loại các khoản lãi, lỗ là thực hiện hoặc chưa thực hiện không phụ thuộc vào việc đã phát sinh dòng tiền hay chưa.

- Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ của bên thứ ba ví dụ như:

- Các loại thuế gián thu phải nộp
- Số tiền người bán hàng đại lý thu hộ bên chủ hàng do bán hàng đại lý;
- Các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán đơn vị không được hưởng
- Các trường hợp khác

- Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo luật định; Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng.

- Khi luân chuyển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong nội bộ doanh nghiệp, tùy theo đặc điểm hoạt động, phân cấp quản lý của từng đơn vị, doanh nghiệp có thể quyết định ghi nhận doanh thu tại các đơn vị nếu có sự gia tăng trong giá trị sản phẩm, hàng hóa giữa các khâu mà không phụ thuộc vào chứng từ kèm theo (xuất hóa đơn hay chứng từ nội bộ). Khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp, tất cả các khoản doanh thu giữa các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp đều phải được loại trừ.

- Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài

khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi
- Thẻ quầy hàng
- Các chứng từ khác: phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng, nhân sự....

Tài khoản sử dụng: TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong 1 kỳ kế toán bao gồm doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

- TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp
- TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện
- TK liên quan khác (111,112,131.....)

TK này có các TK cấp 2 như sau:

TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

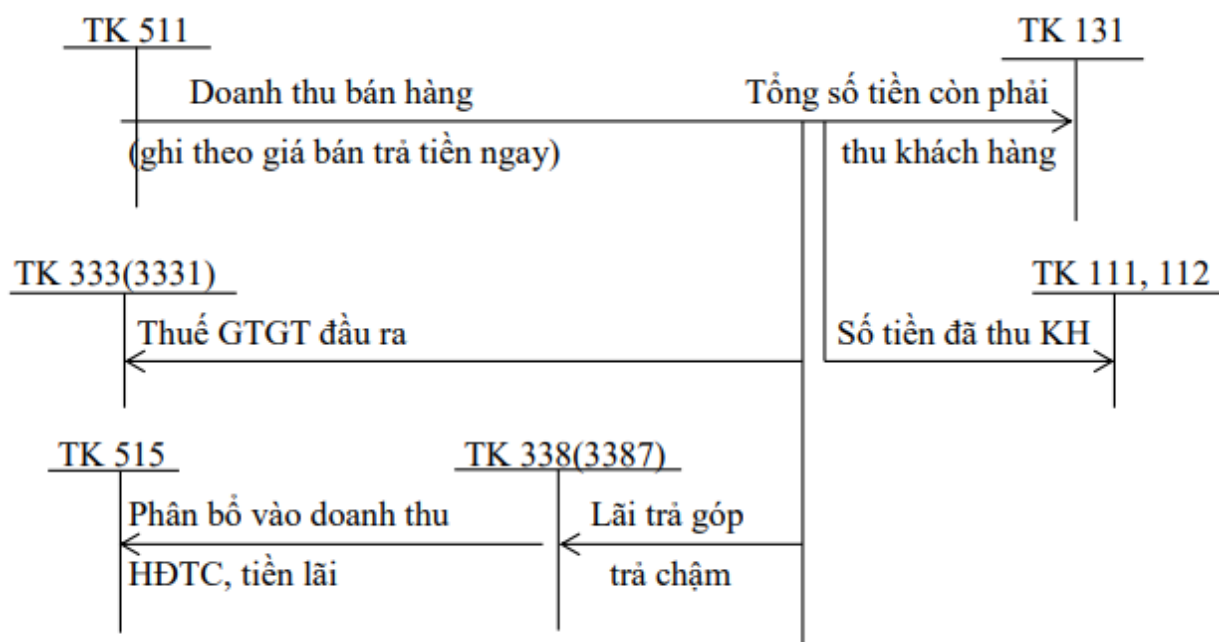
TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

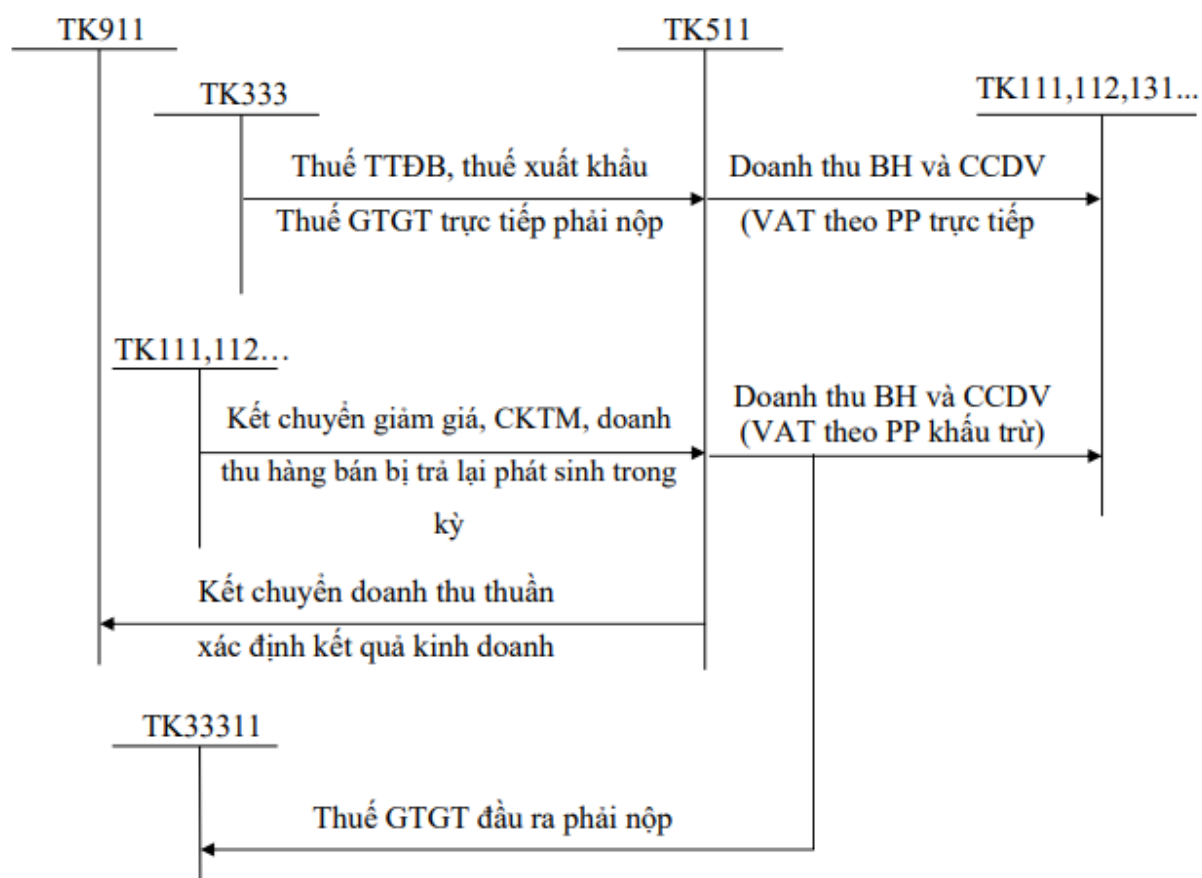
TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản

TK 5118 - Doanh thu khác

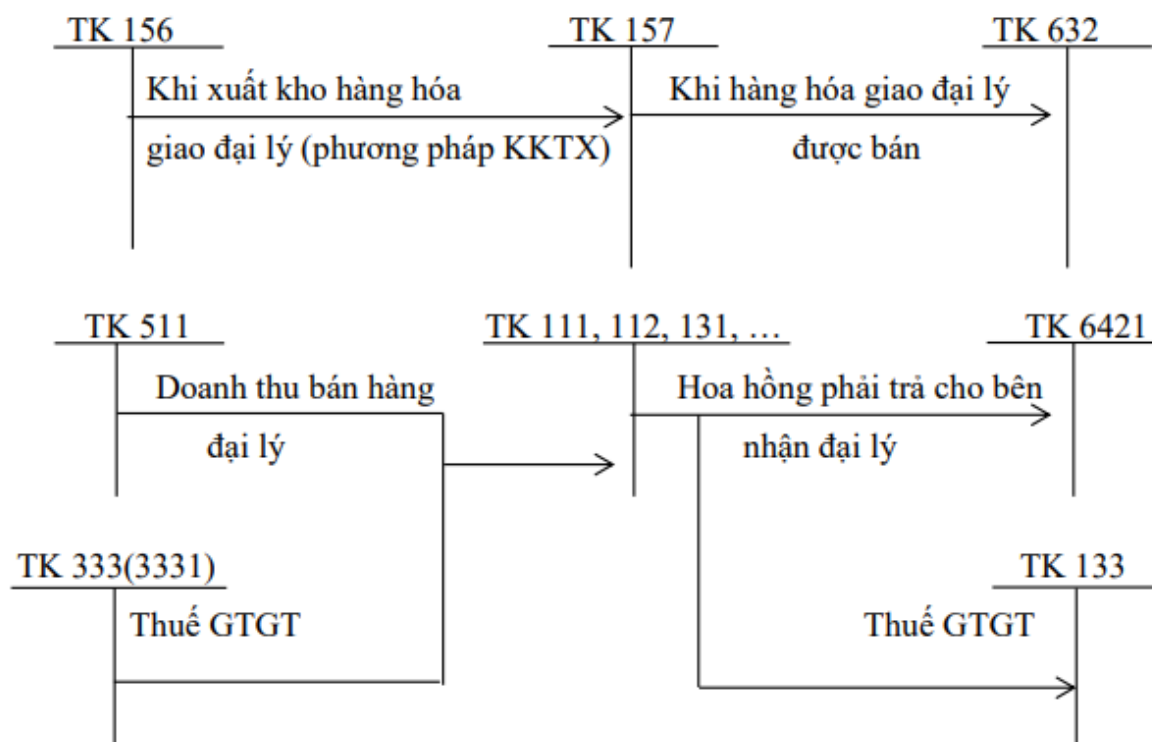
Trình tự kế toán:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức bán trực tiếp



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng theo thông qua đại lý

1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản phù hợp nhằm cung cấp thông tin cho kế toán để lập BCTC.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản mà doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua trên giá niêm yết do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng đã bán, dịch vụ đã cung cấp bị khách hàng trả lại, không nghiệm thu, từ chối thanh toán do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém chất lượng, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách theo hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc kế toán:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)
- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

- Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản chiết khấu thương mại cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (Giá bán phản ánh trên hóa đơn là đã trừ chiết khấu thương mại) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại (doanh thu thuần).

- Kế toán phải theo dõi riêng khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp chi trả cho người mua nhưng chưa được phản ánh là khoản giảm trừ số tiền phải thanh toán trên hóa đơn. Trường hợp này, bên bán ghi nhận doanh thu ban đầu theo giá chưa trừ chiết khấu thương mại (doanh thu gộp). Khoản chiết khấu thương mại cần phải theo dõi riêng trên tài khoản này thường phát sinh trong các trường hợp như:

- Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp này có thể phát sinh do người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu và khoản chiết khấu thương mại chỉ được xác định trong lần mua cuối cùng
- Các nhà sản xuất cuối kỳ mới xác định được số lượng hàng mà nhà phân phối (như các siêu thị) đã tiêu thụ và từ đó mới có căn cứ để xác định được số chiết khấu thương mại phải trả dựa trên doanh số bán hoặc số lượng sản phẩm đã tiêu thụ

- Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản giảm giá hàng bán cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm) thì doanh nghiệp (bên bán

hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã giảm (doanh thu thuần)

- Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng (đã ghi nhận doanh thu) và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất

- Đối với hàng bán bị trả lại, tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Chứng từ sử dụng:

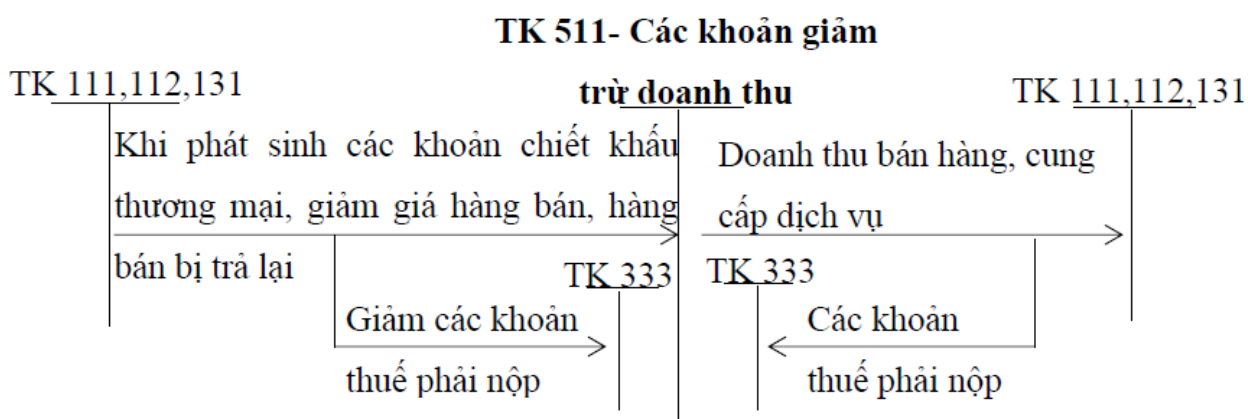
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, Biên bản thỏa thuận giảm giá, hóa đơn hàng bán bị trả lại

- Phiếu Chi, giấy báo Nợ ngân hàng, Các chứng từ nộp thuế...

Tài khoản sử dụng: TK 511

Các TK liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 131...

Trình tự kế toán:



Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là một trong những khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh. Muốn quản lý chặt chẽ và xác định đúng giá vốn thì trước hết doanh nghiệp phải nắm vững được sự hình thành của giá vốn.

Trong doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán là trị giá của hàng hóa đã tiêu thụ, bao gồm trị giá mua vào của hàng hóa bán ra và chi phí thu mua hàng hóa phân bổ cho hàng hóa xuất bán ra trong kỳ.

Sản phẩm hoàn thành không thể dự trữ như các sản phẩm vật chất, hàng hóa khác mà được tính vào giá vốn hàng bán ngay, do đó đối với những lao vụ, sản phẩm đã

hoàn thành chưa ghi nhận doanh thu thì chi phí cho những lao vụ đó vẫn coi là chi phí của sản phẩm chưa hoàn thành. Do đó, giá thành hàng bán là biểu hiện bằng tiền hao phí lao động sống cần thiết và lao động vật hoá tạo ra sản phẩm đó đã cung cấp cho khách hàng.

Cuối kỳ kinh doanh giá thành sản phẩm hoàn thành được kết chuyển từ TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang TK 632 - Giá vốn hàng bán

Tính giá vốn hàng bán của doanh nghiệp thương mại:

Đối với hàng hóa, giá vốn hàng xuất bán bao gồm trị giá mua của hàng xuất bán cộng (+) chi phí thu mua của hàng xuất bán. Đối với thành phẩm, giá vốn hàng xuất bán là trị giá vốn của thành phẩm bán ra trong kỳ.

Trị giá mua của hàng xuất bán và trị giá vốn của thành phẩm xuất bán được xác định theo 1 trong 3 phương pháp sau:

+ *Phương pháp thực tế đích danh*: Trị giá mua của hàng hóa, trị giá vốn của thành phẩm được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập vào cho đến lúc xuất dùng. Khi xuất kho lô hàng nào sẽ lấy đơn giá thực tế của lô hàng đó để tính.

+ *Phương pháp nhập trước xuất trước*: Giả thiết lô hàng hóa, thành phẩm nào nhập trước thì xuất trước và lấy giá thực tế của lần nhập đó làm giá của hàng hóa, thành phẩm xuất kho.

+ *Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền*: Phương pháp tính theo đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập. Theo phương pháp này chỉ tính được đơn giá bình quân gia quyền của hàng luân chuyển vào cuối kỳ và sau đó tính trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm xuất kho.

Mỗi phương pháp có ưu, nhược điểm khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của doanh nghiệp để lựa chọn phương pháp thích hợp

- Chi phí thu mua của hàng xuất bán trong kỳ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{của hàng xuất} \\ \text{bán trong kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{của hàng tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{của hàng mua} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Trị giá mua của} \\ \text{hàng xuất trong} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá mua của} \\ \text{hàng tồn cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Trị giá mua} \\ \text{của hàng xuất} \\ \text{bán trong kỳ} \end{array}$$

Nguyên tắc kế toán:

- *Phương pháp thực tế đích danh*: Doanh nghiệp phải quản lý hàng trong kho theo từng lô hàng mỗi chủng loại hàng hóa nhập kho được đính kèm phiếu giá. Trị giá hàng xuất kho và tồn kho cuối kỳ được tính dựa trên các phiếu giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng đối với lô hàng có giá trị lớn.

- *Phương pháp nhập trước, xuất trước*: Dựa trên giả thiết là hàng hóa nào nhập trước xuất trước, khi xuất đến lô hàng nào thì lấy giá mua vào thực tế của chính loại hàng đó để tính. Phương pháp này chỉ được áp dụng thích hợp đối với mặt hàng mà giá cả thường xuyên biến động.

- *Phương pháp nhập sau, xuất trước*: Dựa trên giả thiết số hàng nào nhập sau thì xuất trước và lấy giá trị mua thực tế của số hàng hóa để tính. Phương pháp này thích hợp đối với những mặt hàng mà giá cả ít biến động trong kỳ.

- *Phương pháp tính giá bình quân gia quyền cuối kỳ*: Sau khi kết thúc kỳ kinh doanh, khi không còn nghiệp vụ vật tư hàng hóa, kế toán mới xác định trị giá bình quân của từng vật tư hàng hóa của tháng, sau đó mới tính vật tư hàng hóa xuất kho theo giá bình quân.

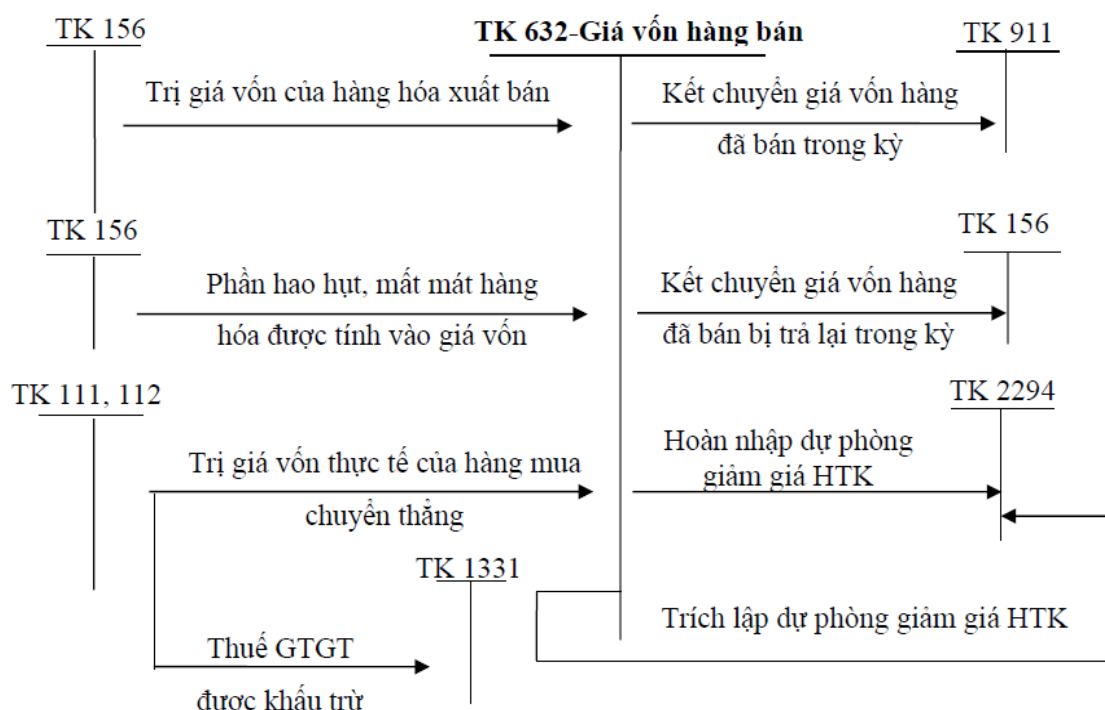
Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng, Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho, Thẻ kho, Biên bản nghiệm thu ...

Tài khoản sử dụng:

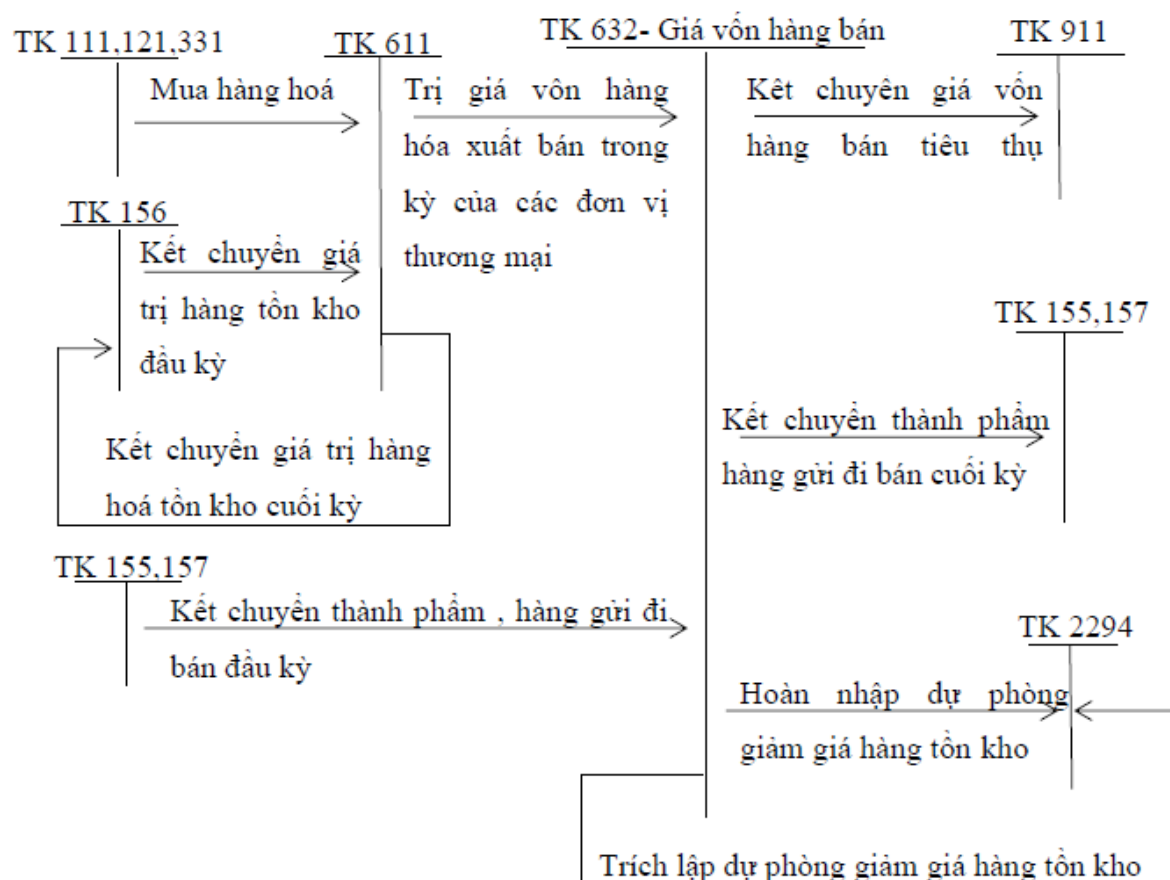
- TK 632 - Giá vốn hàng bán

- Các tài khoản liên quan khác: TK 156 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Trình tự kế toán:



Sơ đồ 1.5: Trình tự kế toán Giá vốn hàng vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.6: Trình tự kế toán Giá vốn hàng bán phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3.1. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm chi phí phục vụ cho khâu bảo quản, dự trữ, tiếp thị, bán hàng và bảo hành sản phẩm bao gồm:

1. Chi phí nhân viên bán hàng
2. Chi phí vật liệu, bao bì
3. Chi phí dụng cụ đồ dùng
4. Chi phí khấu hao tài sản cố định
5. Chi phí bảo hàng
6. Chi phí dịch vụ mua ngoài
7. Chi phí bằng tiền khác.

Trong công tác bán hàng hóa thì việc tối ưu hóa chi phí bán hàng cũng là một công việc quan trọng của doanh nghiệp, nó giúp cho doanh nghiệp sử dụng hiệu quả nguồn lực, tối ưu hóa lợi nhuận.

Nguyên tắc kế toán:

- Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

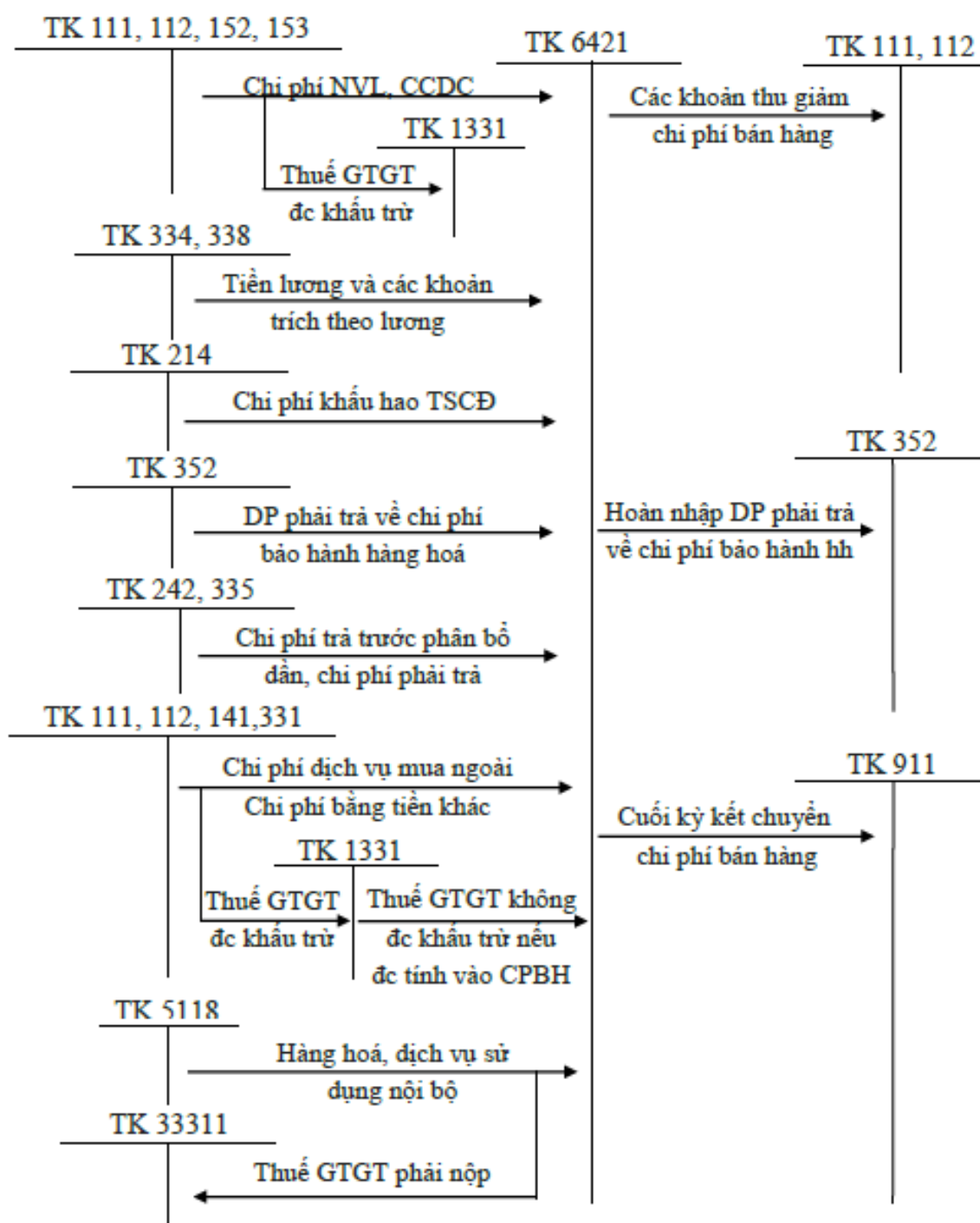
- Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp

Các chứng từ sử dụng:

- Bảng tính lương, Bảng phân bổ lương và BHXH
- Hóa đơn GTGT, HDBH
- Bảng phân bổ khấu hao
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng

Tài khoản sử dụng: TK 6421: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Trình tự kế toán:



Sơ đồ 1.7: Trình tự kế toán Chi phí bán hàng

1.3.3.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngoài chi phí bán hàng liên quan trực tiếp đến hoạt động bán hàng, thì chi phí quản lý doanh nghiệp cũng là một phần phát sinh quan trọng nhằm đảm bảo cho bộ máy của doanh nghiệp hoạt động một cách hiệu quả.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí chi việc quản lý kinh doanh,

quản lý hành chính phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp. Bao gồm:

1. Chi phí nhân viên quản lý
2. Chi phí vật liệu quản lý
3. Chi phí đồ dùng văn phòng
4. Chi phí khấu hao tài sản cố định
5. Thuế, phí và lệ phí
6. Chi phí dự phòng
7. Chi phí dịch vụ mua ngoài
8. Chi phí bằng tiền khác.

Nguyên tắc kế toán:

- Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) .

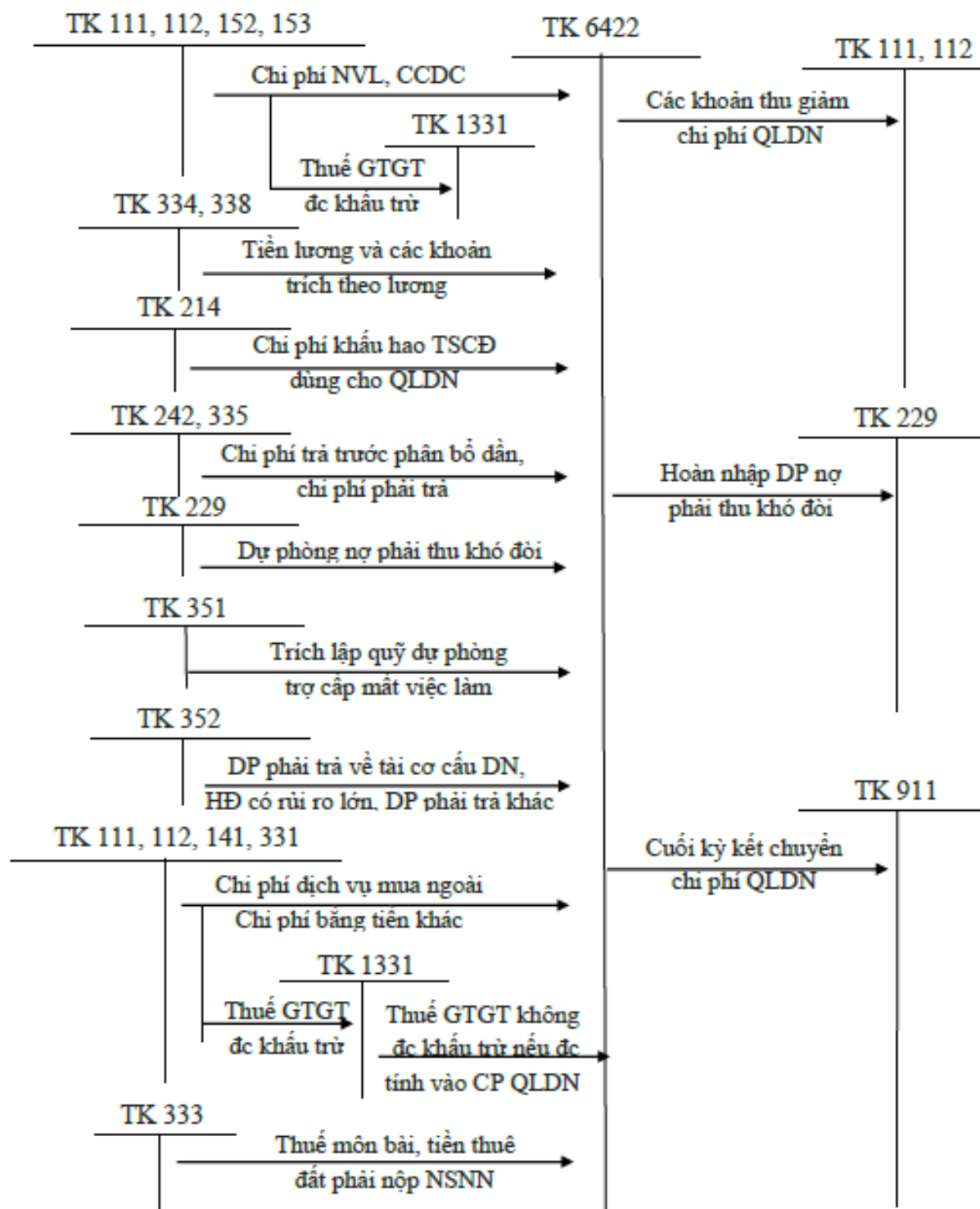
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Các chứng từ sử dụng:

- Bảng tính lương, Bảng phân bổ lương và BHXH
- Hóa đơn GTGT. HĐKT
- Bảng phân bổ khấu hao
- Tờ khai thuế (thuế môn bài), phí....
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng.

Tài khoản sử dụng: TK 6422: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý đơn vị như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,....

Trình tự kế toán:



Sơ đồ 1.8: Trình tự kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.3.4.1. Kế toán chi phí doanh thu hoạt động tài chính

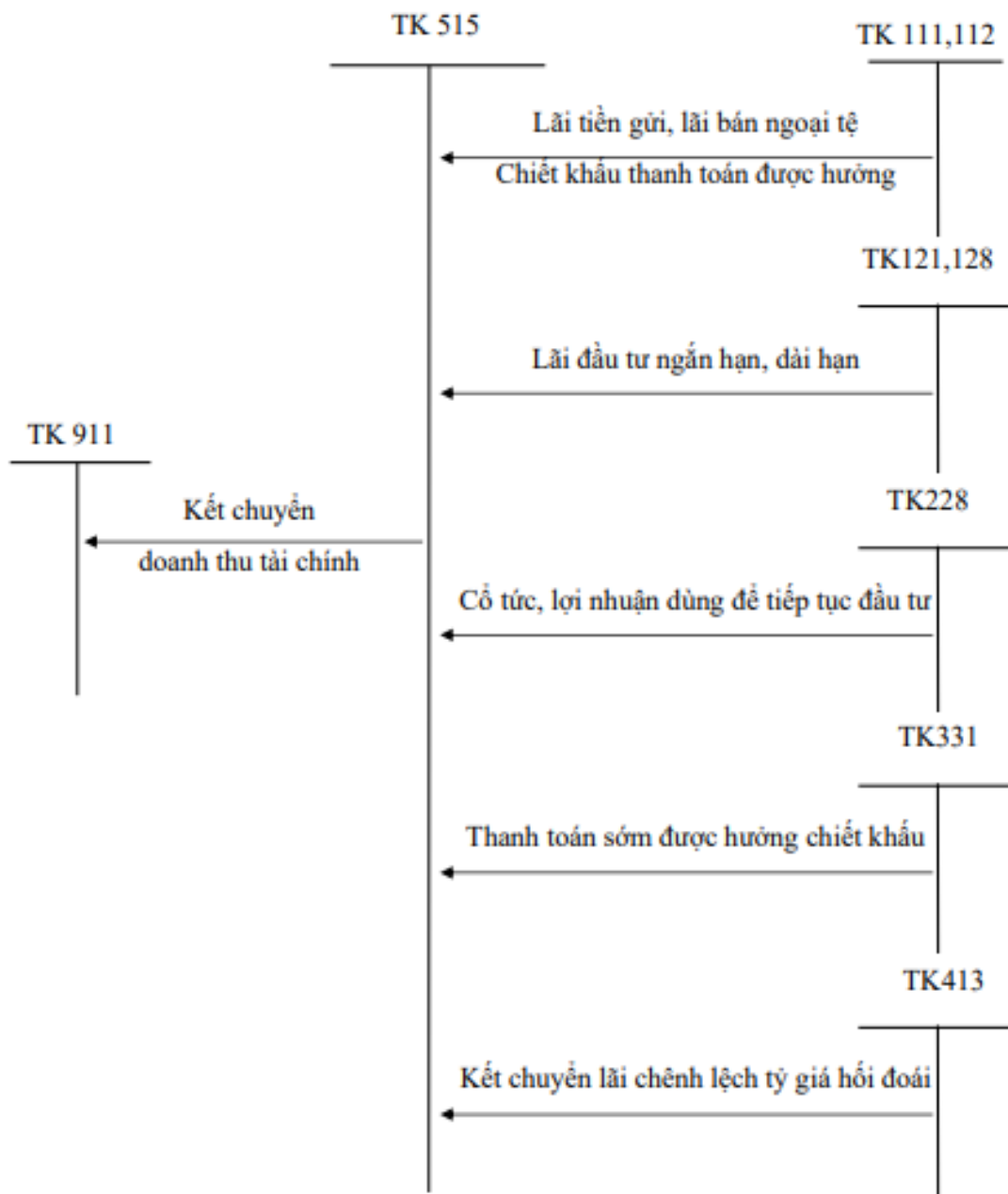
Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu do hoạt động tài chính mang lại như: lãi tiền gửi ngân hàng, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng: TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Trình tự kế toán:



Sơ đồ 1.9: Trình tự kế toán Doanh thu hoạt động tài chính

1.3.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

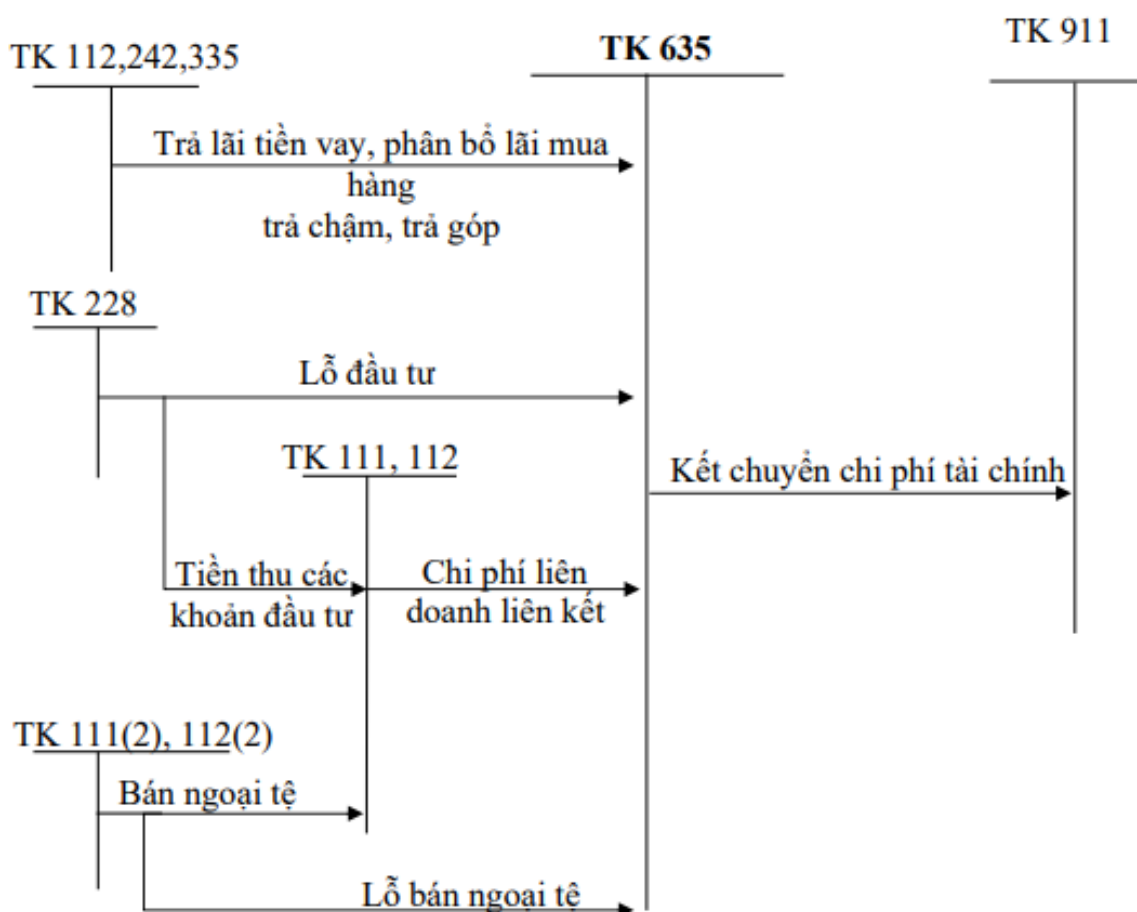
Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí đầu tư tài chính khác...

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Nợ của Ngân hàng
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi và các chứng từ có liên quan

Tài khoản sử dụng: TK 635 - “Chi phí hoạt động tài chính”

Trình tự kế toán:



Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.3.5. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp

1.3.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác

Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Phiếu chi; Giấy báo Có
- Các chứng từ liên quan: Biên bản thanh lý tài sản cố định...

Tài khoản sử dụng: TK 711 – “Thu nhập khác”

1.3.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác

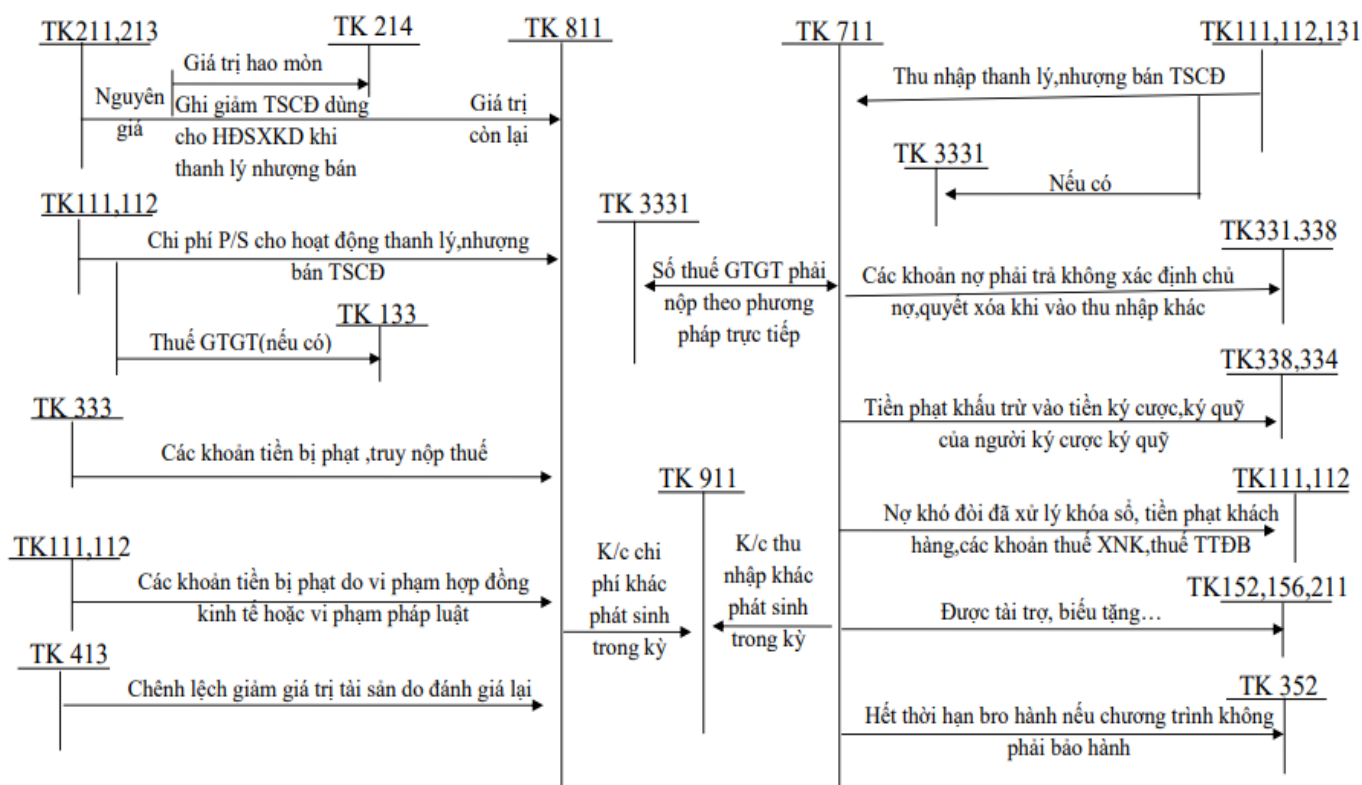
Nội dung kế toán chi phí hoạt động khác

Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Ủy nhiệm chi
- Giấy báo Nợ của Ngân hàng
- Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng: TK 811 – “Chi phí khác”



Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

1.3.6. Kế toán chi phí thuế TNDN.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm: Chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận (hoặc lỗ) của một năm tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế là số thuế doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả trong năm,
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi ở các năm trước

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là các khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ:

- Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm
- Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Nguyên tắc kế toán:

- Chi phí thuế TNDN được ghi nhận vào tài khoản này là chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm tài chính

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

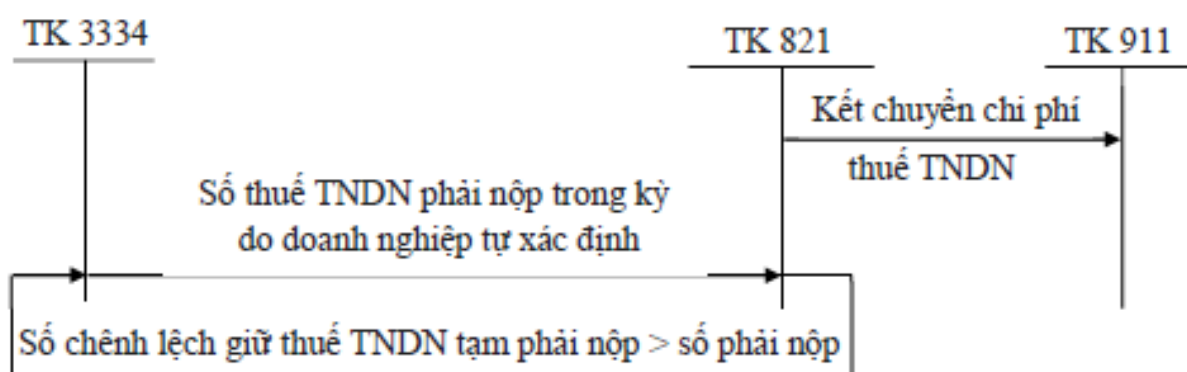
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước

Chứng từ sử dụng:

- Tờ khai thuế TNDN tạm tính
- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng: TK 8211, TK 8212, TK 3334, TK 111, TK112...

Trình tự kế toán:



Sơ đồ 1.12: Trình tự kế toán Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.7. Kế toán xác định kết quả bán hàng

Kết quả bán hàng là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và các khoản chi phí kinh doanh liên quan đến quá trình bán hàng, bao gồm trị giá vốn của hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho số hàng đã bán.

Kết quả HĐ của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả HĐKD thông thường (hoạt động tạo ra doanh thu)
- Kết quả hoạt động khác (không phải hoạt động tạo ra doanh thu).

Kết quả hoạt động SXKD (bán hàng và cung cấp dịch vụ)	=	Tổng Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn của hàng xuất đã bán và chi phí thuế TNDN	-	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
---	---	--	---	---	---	--

Trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tính bằng tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi (-) các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).

Công thức xác định kết quả kinh doanh:

- Kết quả kinh doanh trước thuế (1):

$$(1) = (2) - (3) + (4) - (5) - (6) - (7) + (8) - (9)$$

Trong đó:

- (2): Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ
- (3): Giá vốn hàng xuất bán
- (4): Doanh thu hoạt động tài chính
- (5): Chi phí hoạt động tài chính
- (6): Chi phí bán hàng

(7): Chi phí quản lý doanh nghiệp

(8): Thu nhập khác

(9): Chi phí khác

- Kết quả kinh doanh sau thuế:

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả kinh doanh} \\ \text{sau thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả kinh doanh} \\ \text{trước thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

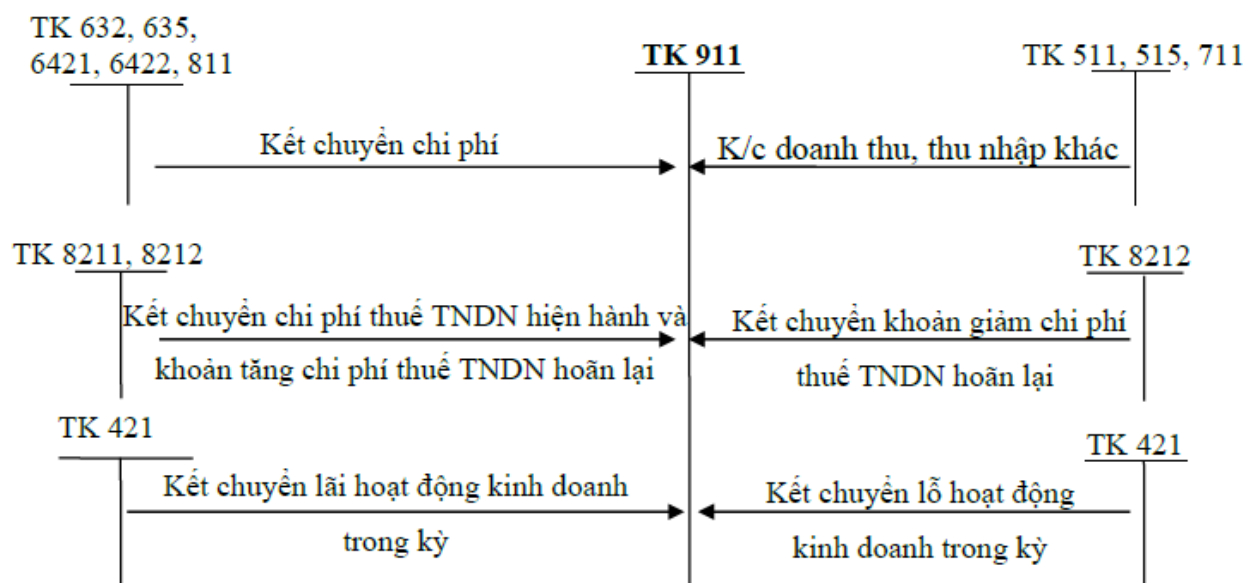
Tài khoản sử dụng:

- TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

- TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

- Các TK liên quan khác: TK 511, TK 632, TK 6421, TK 6422, TK 711,...

Trình tự kế toán:



Sơ đồ 1.13: Trình tự kế toán Xác định kết quả kinh doanh

1.3.8. Sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT 133/2016 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được phép tự xây dựng hệ thống sổ sách kế toán cho riêng mình. Có 4 loại hình sổ kế toán được quy định mô tả theo quy trình ghi chép tay. Còn hình thức “Kế toán máy” là do các công ty hầu hết vận dụng máy tính để tăng độ chính xác, cũng như giảm thời gian vận hành bộ máy kế toán. Kế toán máy có thể kết hợp với một trong số 4 loại sổ đã được quy định tùy vào đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của mỗi doanh nghiệp.

1.3.8.1. Hình thức kế toán nhật ký chung

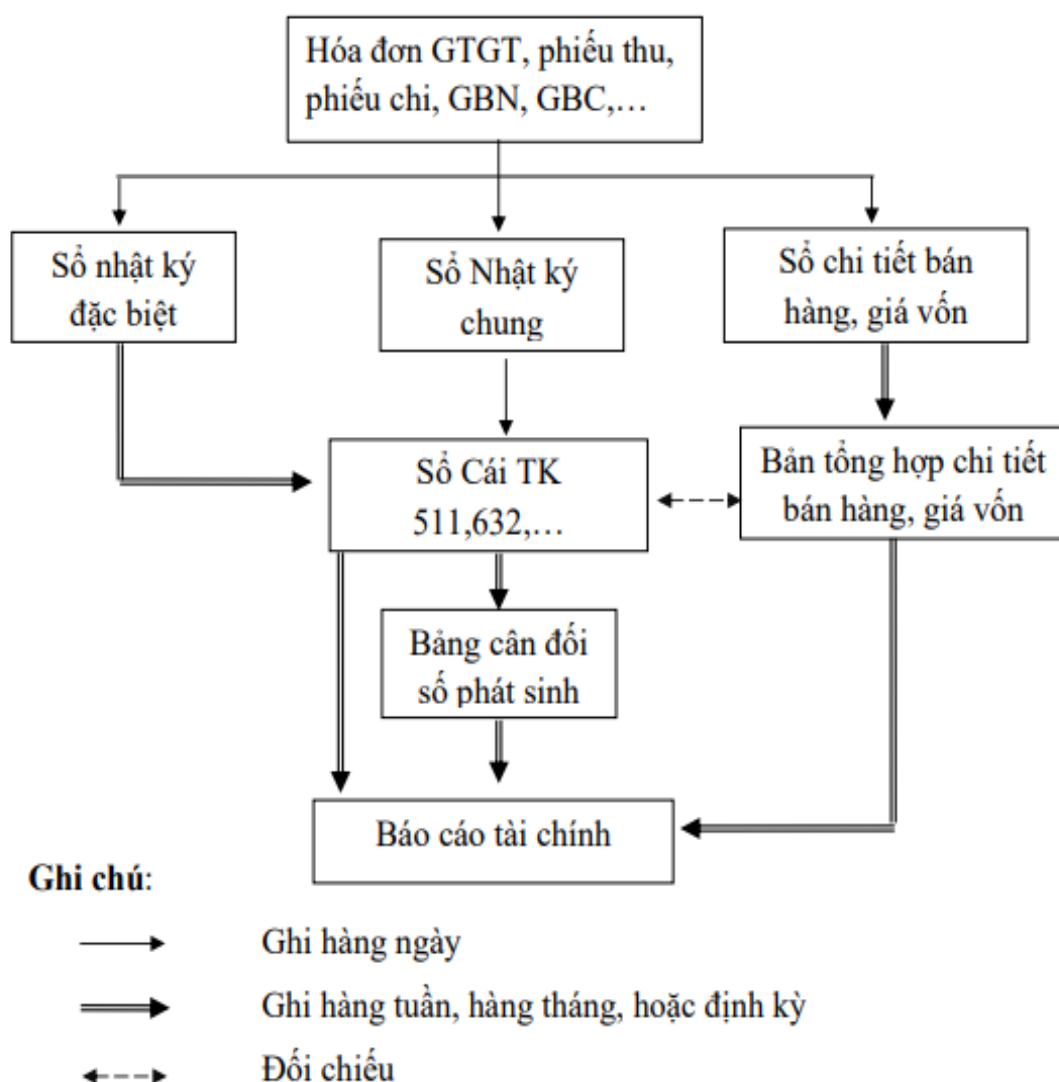
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán nhật ký chung:

- + Sổ nhật ký chung: Là sổ tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh theo trình tự thời gian, thực hiện phản ánh theo mối quan hệ đối ứng tài khoản. Bên cạnh đó có thể mở thêm sổ: Nhật ký thu tiền, Nhật ký bán hàng...

- + Sổ cái: là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong niên độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp. Có thể dùng TK 511, 632, 641, 642, 156, 635, 515, 711, 811, 911.....

- + Sổ nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền...



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ kế toán chứng từ ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

1.3.8.2. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

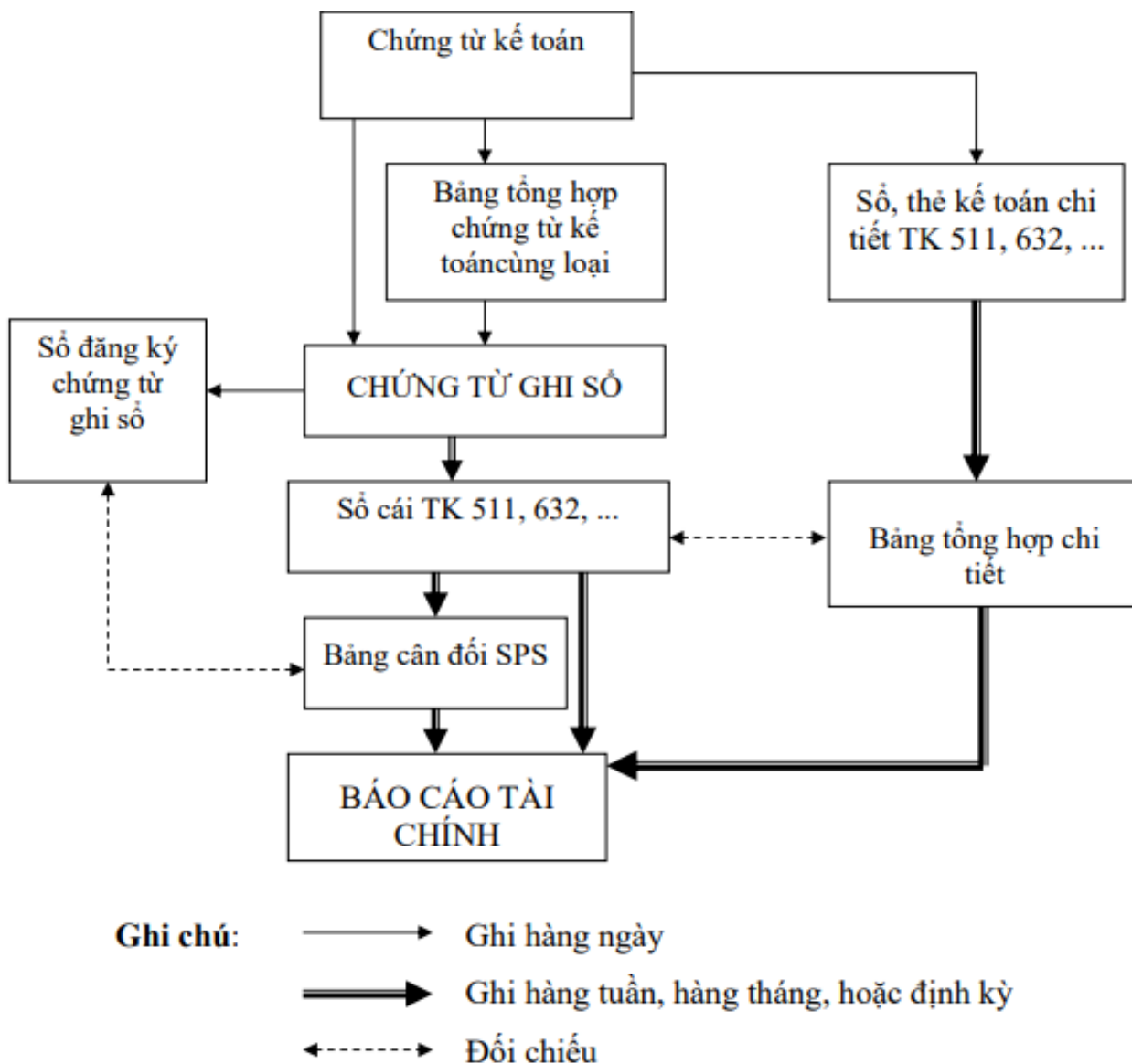
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái
- Các sổ chi tiết



Sơ đồ 1.15: Sơ đồ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

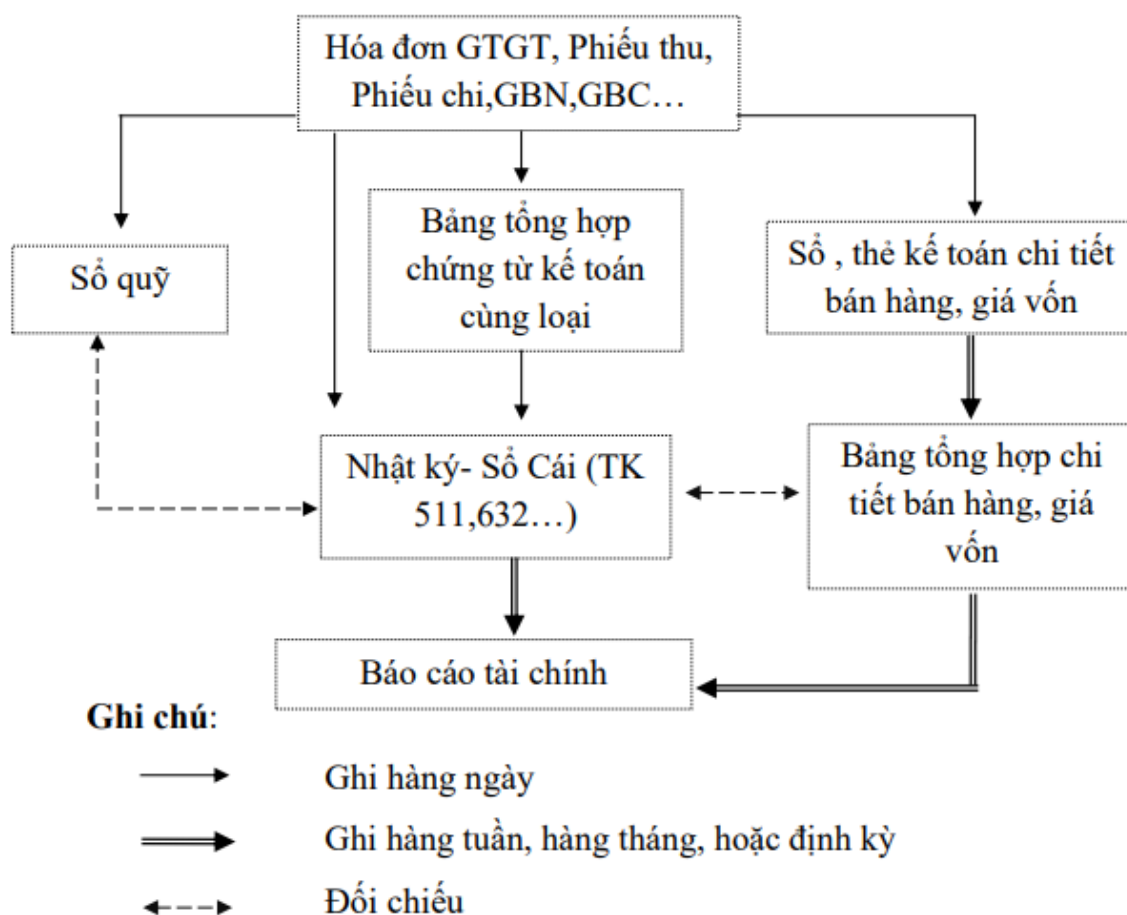
1.3.8.3. Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái

- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.16. Sơ đồ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái

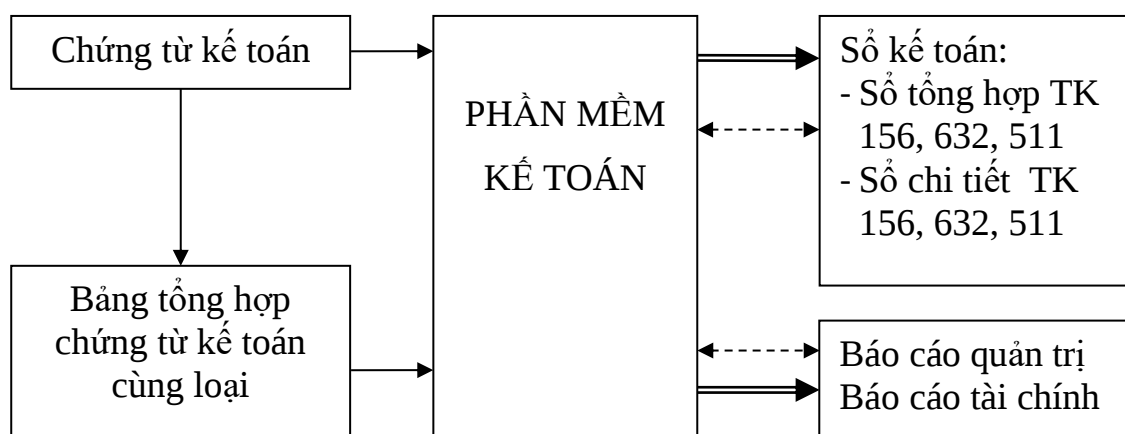
1.3.8.4. Hình thức kế toán máy

Là việc kế toán được thực hiện theo 1 chương trình phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của 1 trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp giữa các hình thức kế toán với nhau

- Ngày nay việc sử dụng phần mềm kế toán đã trở nên phổ biến với hầu hết tất cả các doanh nghiệp vì những tiện ích mà nó mang lại đã đóng góp một phần quan trọng trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp:

- + Tiết kiệm thời gian làm việc
- + Giao diện đơn giản, thân thiện, dễ sử dụng
- + Cung cấp nhiều tính năng, tiện ích mới
- + Tính chính xác cao
- + Cung cấp hệ thống báo cáo đầy đủ và đúng theo quy định, thông tư mới của Bộ tài chính

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính
- + Khi bắt đầu sử dụng phần mềm kế toán doanh nghiệp cần:
 - Khai báo dữ liệu ban đầu gồm: Hệ thống tài khoản, tài khoản ngân hàng, khách hàng, nhà cung cấp, nhân viên, vật tư hàng hóa
 - Khai báo số dư đầu kỳ của các tài khoản: Số dư TK tiền, công nợ khách hàng, công nợ nhà cung cấp, công nợ nhân viên, tồn kho vật tư hàng hóa, chi phí dở dang đầu kỳ, khai báo CCDC đầy kỳ, khai báo TSCĐ đầu kỳ
- + Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ: Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, hóa đơn điện tử, kho, CCDC, TSCĐ, thuế, giá thành, tổng hợp
- + Việc sửa chữa chứng từ khi sai đã được lập trình sẵn trên phần mềm kế toán
- + Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính



Ghi chú:

- : Nhập số liệu hàng ngày
- =====→ : In sổ sách, báo cáo cuối năm
- ←-----→ : Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 1.17: Sơ đồ thể hiện trình tự kế toán trên phần mềm kế toán

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam (gọi tắt là “Công ty Đầu tư TNP Việt Nam”) thành lập năm 2021 theo giấy phép kinh doanh được cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Công ty thuộc hình thức Công ty TNHH, hoạt động theo luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của Nhà nước.

Giới thiệu chung về Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam:

1	Tên công ty: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM Tên quốc tế: TNP VIET NAM INVESTMENT COMPANY LIMITED
2	Địa chỉ: Ki ốt số 4, Khu Thương mại – Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
3	Địa chỉ các điểm bảo hành: Số nhà 481, đường Trần Đại Nghĩa, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
4	Năm thành lập: 2021
5	Người đại diện: Vũ Hoài Thanh
6	Tel: 0923.338.333

Trong bốn năm gần đây, công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam Lào Cai chủ yếu kinh doanh mặt hàng nông sản, hóa chất.

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam có trụ sở chính tại Lào Cai. Với sự cộng tác của các đồng nghiệp trong nước và các chuyên gia nước ngoài về các lĩnh vực trên, cùng với trình độ và kinh nghiệm của đội ngũ kỹ sư, chuyên viên trong Công ty, Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam đã và đang ngày càng từng bước khẳng định được vị trí của mình trong các lĩnh vực hoạt động và giữ được uy tín đặc biệt với khách hàng. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam Lào Cai trong năm 2023 là xuất khẩu hàng hóa ra bên ngoài, cụ thể là cho các công ty tại Trung Quốc. Công ty cũng cung cấp nông sản cho các khách hàng trong nước tại cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	428.180.316.609	369.900.307.191
Giá vốn hàng bán	422.075.919.748	364.536.901.619
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.104.396.861	5.363.405.572
Chi phí quản lý kinh doanh	1.341.876.495	-2.876.164.107
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.762.520.321	8.239.569.679

Một số chỉ tiêu thể hiện quy mô của công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam là một Công ty hoạt động kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của mình, có con dấu riêng và được pháp luật bảo vệ.

- Thực hiện kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký trong Giấy đăng ký kinh doanh.

- Điều hành, lãnh đạo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất, kinh doanh và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh tế với các đối tác trong và ngoài nước.

- Quản lý và sử dụng vốn đúng quy định và đảm bảo có lãi.

- Thực hiện việc nghiên cứu, phát triển nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập của người lao động, nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường.

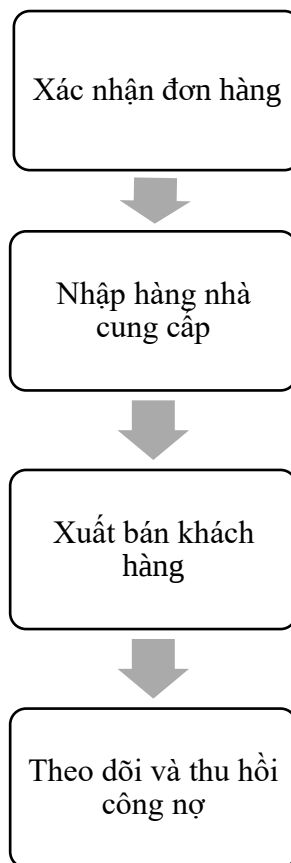
- Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi người lao động, người tiêu dùng, vệ sinh an toàn lao động, bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững, thực hiện đúng các quy định có liên quan tới hoạt động của công ty.

Sản phẩm chính của Công ty Đầu tư TNP Việt Nam xuất khẩu nông sản, hóa chất công nghiệp ra bên ngoài, cụ thể là cho các công ty tại Trung Quốc. Công ty cũng cung cấp cho các khách hàng trong nước tại cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

Là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thương mại với những đối tác lớn cả trong lẫn ngoài nước, công ty luôn hướng tới sự phát triển lâu dài, đáp ứng mọi nhu cầu từ phía khách hàng trong việc cung cấp hàng hóa.

Tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 2.1. Sản xuất kinh doanh của Công ty

Bước 1: Xác nhận đơn đặt hàng từ khách hàng: Với các sản phẩm hàng hóa giá trị tương đối cao công ty xây dựng chính sách không để tồn kho quá nhiều. Khi khách hàng có nhu cầu đặt hàng công ty xác nhận số lượng, các phương thức giao nhận hàng, đơn giá cho số lượng hàng cần nhập.

Bước 2: Nhập hàng từ nhà cung cấp: Sau khi thương thảo các điều kiện về giao nhận hàng, đơn giá (thỏa thuận bằng hợp đồng hoặc không), công ty tiến hành nhập hàng về kho, kiểm nhập đủ số lượng, chất lượng sản phẩm. Với các hàng hóa có sẵn trong kho, công ty thực hiện tiếp bước 3.

Bước 3: Xuất bán sản phẩm: Để xuất bán sản phẩm và tiến hành giao hàng cho khách hàng, hàng hóa có thể được giao từ kho công ty hoặc giao thẳng từ nhà cung cấp đến tay khách hàng, tiến hành kiểm nhập 03 bên, xác nhận công nợ và xuất hóa đơn bán hàng.

Bước 4: Theo dõi và thu hồi công nợ: Sau khi tiến hành giao hàng, và làm các thủ tục cần thiết để thanh toán, phòng Tài chính có trách nhiệm theo dõi công nợ phải thu và phải trả theo các điều kiện hai bên đã thống nhất.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động quản lý kinh doanh Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Mô hình bộ máy tổ chức quản lý của Công ty



Sơ đồ 2.2 Mô hình bộ máy tổ chức quản lý của Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Ban giám đốc: Trực tiếp chỉ đạo sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh, đầu tư liên doanh, liên kết với bên ngoài.

Phòng kinh doanh: Thiết lập, giao dịch trực tiếp với hệ thống khách hàng, hệ thống nhà cung cấp. Thực hiện các hoạt động bán hàng nhằm mang lại doanh thu cho công ty.

Phòng kế toán – tài chính: Xây dựng hệ thống tổ chức kế toán thống kê toàn đơn vị ngày một hoàn chỉnh, phù hợp với yêu cầu của hoạt động kinh doanh và chế độ tài chính kế toán hiện hành. Ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác và trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Phát hiện và phản ánh kịp thời những vi phạm tài sản, vi phạm chế độ thu chi tài chính. Cung cấp kịp thời, chính xác số liệu tài chính cho giám đốc để lập kế hoạch đúng đắn cho sản xuất kinh doanh.

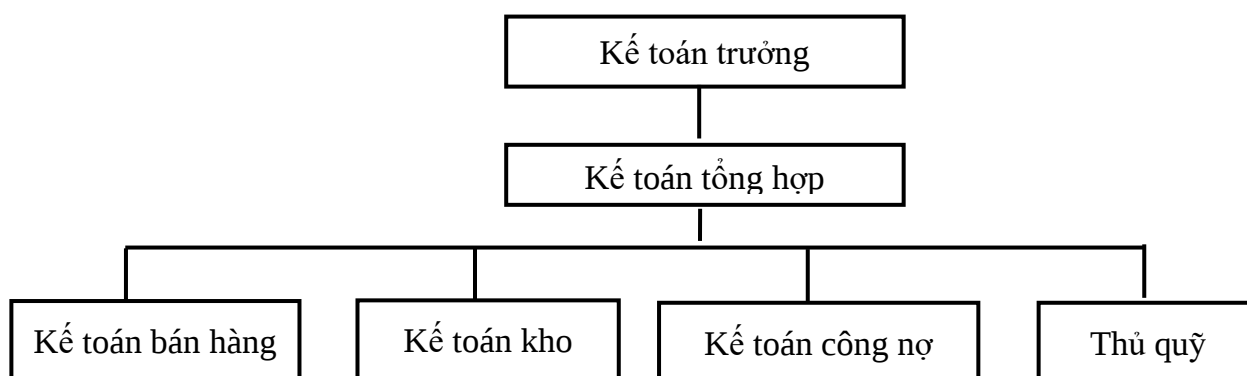
Bộ phận kho: Thực hiện các hoạt động xuất hàng và nhập hàng, theo dõi hàng tồn kho tối thiểu, sắp xếp và đảm bảo tiêu chuẩn hàng hóa trong kho, giao hàng cho khách hàng.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức kinh doanh, tổ chức quản lý của Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam nên hình thức tổ chức công tác kế toán mà Công ty

áp dụng là hình thức kế toán tập trung



Sơ đồ 2.1. Cơ cấu bộ máy kế toán của Công ty

Kế toán trưởng: Chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán trong công ty theo đúng chính sách, chế độ hiện hành. Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ, việc ghi sổ, từ đó nhập dữ liệu tổng hợp, lập báo cáo tài chính. Là người chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính của công ty, tham mưu cho giám đốc trong công tác tổ chức hệ thống kế toán, cũng như trong việc ra quyết định về tài chính, đồng thời còn có trách nhiệm đôn đốc theo dõi hoạt động của các kế toán viên. Chịu trách nhiệm trước giám đốc và cấp trên về số lượng và chất lượng báo cáo tài chính.

Kế toán tổng hợp: Là người tổng hợp các phần hành kế toán, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ, việc ghi sổ, từ đó nhập dữ liệu tổng hợp, lập báo cáo tài chính. Là người chịu trách nhiệm về vấn đề tổng hợp các dữ liệu, các số liệu của Công ty.

Kế toán bán hàng có nhiệm vụ làm báo giá, cập nhật giá cả, hàng hóa mới. Quản lý sổ sách, chứng từ liên quan đến bán hàng của công ty. Nhập số liệu bán hàng, tổng hợp số liệu bán hàng. Theo dõi, tính chiết khấu cho khách hàng. Hàng ngày, thực hiện đối chiếu với thủ quỹ về số lượng tiền mặt xuất, nhập, tồn cuối ngày. Theo dõi doanh thu bán hàng, theo dõi các khoản thu, chi tiền mặt.

Kế toán kho có nhiệm vụ hàng ngày ghi chép, lập chứng từ nhập, xuất hàng hóa. Kiểm tra cách sắp xếp hàng hóa trong kho, đối chiếu với số liệu nhập xuất với kế toán tổng hợp. Tính giá vốn xuất kho, giá trị nhập kho. Lập biên bản kiểm kê hàng tồn kho. Lập báo cáo tồn, nhập, xuất hàng hóa. Hàng ngày, đối chiếu với thủ kho về lượng hàng hóa nhập, xuất, tồn hàng ngày.

Kế toán công nợ có nhiệm vụ nhận hợp đồng bán hàng, mua hàng, kiểm tra nội dung, điều khoản trong hợp đồng, thêm mã khách hàng, mã nhà cung cấp mới nếu có. Kiểm tra, đốc thúc công nợ với khách hàng và nhà cung cấp. Kiểm tra chi

tiết công nợ của từng khách hàng, từng nhà cung cấp theo chứng từ công nợ liên quan, hạn thanh toán, số tiền đã quá hạn để báo cho bộ phận kinh doanh và ban giám đốc đốc thúc nợ. Theo dõi tình hình nợ, thanh toán của nhà cung cấp và khách hàng. Định kỳ xác nhận công nợ với các nhà cung cấp và khách hàng. Định kỳ lập báo cáo công nợ liên quan.

Thủ quỹ có nhiệm vụ theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn quỹ tiền mặt hàng ngày và cuối tháng cùng với kế toán bán hàng, đối chiếu, kiểm kê tồn quỹ để lập báo cáo kiểm quỹ.

2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán mà Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam áp dụng

Hiện nay Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam đang áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam theo TT133 ban hành ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Phần mềm sử dụng: Phần mềm kế toán Misa SME.Net 2023

Niên độ kế toán: Được tính theo năm dương lịch, năm tài chính được bắt đầu từ 01/01 đến ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

Phương pháp kê khai và tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.

Phương pháp hạch toán HTK: phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: phương pháp đường thẳng.

Phương pháp tính giá hàng hóa xuất kho: Nhập trước xuất trước.

Hệ thống chứng từ sử dụng: Hệ thống chứng từ kế toán Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam hiện đang áp dụng đều tuân thủ theo đúng mẫu do Bộ Tài chính quy định. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được lập, phản ánh theo đúng mẫu và phương pháp đã quy định tại TT133 ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

Hệ thống tài khoản kế toán: Hiện nay, Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam đang sử dụng hệ thống tài khoản kế toán được áp dụng thống nhất đối với các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế theo TT133 ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính. Để thuận lợi cho công tác kế toán đơn vị còn mở thêm các tài khoản cấp 2, cấp 3 để phù hợp với hoạt động kinh doanh tại đơn vị.

Hình thức sổ kế toán: Kế toán máy.

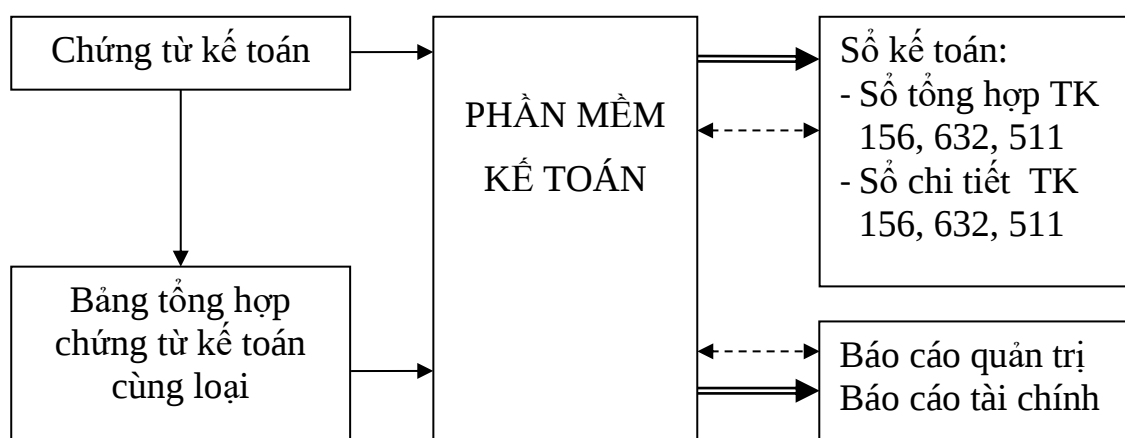
2.1.4.3. Phần mềm kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Misa SME.Net 2023.

Công ty áp dụng phần mềm kế toán máy với hình thức Nhật Ký chung.

Hệ thống sổ kế toán tại công ty đăng ký kết xuất theo hình thức thủ công là Nhật ký chung.

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết
- Sổ tổng hợp chi tiết



Ghi chú:

- ➔ : Nhập số liệu hàng ngày
- =====➔ : In sổ sách, báo cáo cuối năm
- ◄-----> : Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 2.2. Trình tự cập nhật chứng từ vào phần mềm kế toán MISA

Hệ thống Báo cáo kế toán:

Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty là báo cáo tài chính năm.

Hàng quý, hàng năm kế toán phụ trách phần hành kế toán tổng hợp của Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam phải tiến hành lập các Báo cáo tài chính theo đúng quy định mới nhất của Bộ Tài chính về chế độ lập và trình bày các Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm được lập và gửi cho cục thống kê thành phố Lào Cai, các tổ chức tín dụng, chi cục thuế thành phố Lào Cai.

Báo cáo tài chính năm gồm:

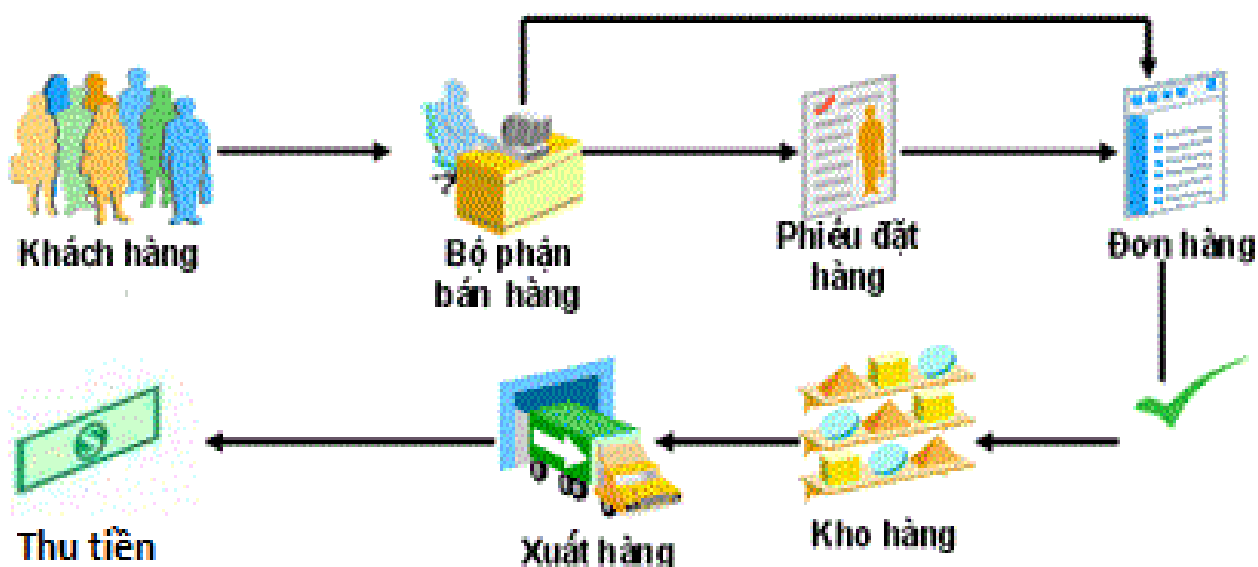
- | | |
|--|-----------------|
| ➤ Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B01 - DN |
| ➤ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 – DN |
| ➤ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03 – DN |
| ➤ Thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B09 - DN |

Ngoài ra, để phục vụ tốt hơn cho nhu cầu quản lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của đơn vị, Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam còn sử dụng một số báo cáo nội bộ khác để cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin cần thiết từ đó giúp quá trình ra quyết định được chính xác và phù hợp.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

2.2.1. Thủ tục bán hàng và chứng từ sử dụng

Thủ tục bán hàng tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam



Quy trình bán hàng tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam luôn được quản lý chặt chẽ để đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như thời gian giao nhận hàng được chính xác. Khi khách có nhu cầu hoặc bộ phận bán hàng của phòng kinh doanh tìm được khách hàng thì sẽ làm phiếu mua hàng và hợp đồng mua bán với phòng kinh doanh.

Lúc này phòng kinh doanh sẽ liên lạc với kho để kiểm tra lượng hàng. Nếu lượng hàng còn báo phòng kế toán, phòng kế toán báo giá khách hàng. Nếu lượng hàng không còn đủ, kế toán báo Giám đốc xin lấy thêm hàng.

Chứng từ sử dụng tại Công ty Đầu tư TNP Việt Nam

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo Có, bảng sao kê của NH ...
- Báo cáo bán hàng, bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, biên bản hàng bán bị trả lại, biên bản hàng thừa thiếu, biên bản giảm giá hàng bán.
- Hợp đồng bán hàng
- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan), hóa đơn thương mại
- Các chứng từ khác liên quan

2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam thực hiện công tác bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp. Khách hàng có nhu cầu mua hàng, nhân viên kinh doanh làm giấy báo giá gửi cho khách hàng, nếu khách hàng chấp nhận giá, hai bên đi đến ký kết hợp đồng kinh tế.

Doanh thu bán hàng của Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam được xác định căn cứ vào đơn giá bán mà công ty báo giá cho khách hàng và số lượng hàng thực tiêu thụ được, theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng trong kì} = \text{Số lượng hàng xác định tiêu thụ} \times \text{Đơn giá bán} \\ \\ \text{Doanh thu bán hàng xuất khẩu trong kì} = \text{Số lượng hàng xác định tiêu thụ} \times \text{Đơn giá bán} \times \text{Tỷ giá của ngân hàng vào ngày hàng hóa được thông quan} \end{array}$$

Công ty kê khai nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên doanh thu bán hàng ở công ty là toàn bộ số tiền bán hàng chưa có thuế GTGT.

Như vậy, nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng tại Công ty tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 về doanh thu và thu nhập khác.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo Có, bảng sao kê của NH ...
- Báo cáo bán hàng, bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, biên bản hàng bán bị trả lại, biên bản hàng thừa thiếu, biên bản giảm giá hàng bán.
- Hợp đồng bán hàng
- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan), hóa đơn thương mại
- Các chứng từ khác liên quan

Tài khoản sử dụng:

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam chỉ sử dụng tài khoản này để theo dõi doanh thu bán hàng của tất cả các loại hàng hóa.

Ngoài ra còn một số tài khoản:

TK 33311: Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp.

TK 111, 112, 131 tương ứng với từng hình thức thanh toán của khách hàng.

Quy trình hạch toán trên phần mềm kế toán MISA tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Giao diện phần mềm:

Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, từ màn hình giao diện của phần mềm Misa, kế toán tiến hành vào phần bán hàng để nhập các thông tin liên quan và định khoản:

Thao tác nhập dữ liệu trên phần mềm đối với bán hàng thu tiền bằng tiền gửi:

The screenshot shows the 'Bán hàng' (Sales) module in the accounting software. The 'Chứng từ bán hàng' (Sales Voucher) form is active, displaying fields for customer information, voucher details, and a list of items. The 'Thuế' (Tax) tab is selected, showing a table for tax calculation. The 'Hóa đơn' (Invoice) tab is also visible, showing a table for invoice details.

Ghi nhận doanh thu bán hàng:

Chọn “Bán hàng xuất khẩu”

Tại Tab “Chứng từ ghi nợ”:

Nhập thông tin của khách hàng: Chỉ cần chọn mã khách hàng như đã khai báo trong danh sách khách hàng. Phần mềm sẽ tự động hiển thị tên công ty, địa chỉ, mã số thuế như trong khai báo.

Nhập diễn giải:

Nhập ngày hạch toán và ngày chứng từ

Nhập mã hàng: Chỉ cần chọn mã mà đã thiết lập từ trước, phần mềm sẽ tự động hiển thị danh sách hàng hóa phù hợp. Sau đó phần mềm sẽ hiển thị tên hàng hóa, số hiệu tài khoản công nợ là 131 và tài khoản doanh thu là 511.

Nhập số lượng và đơn giá cho mặt hàng bán.

Nhập loại tiền và tỷ giá

Tại Tab “Thuế”: Phần mềm tự động cập nhật % thuế GTGT theo như khai báo cho mặt hàng này; tự động tính số tiền thuế.

Tại Tab “Hóa đơn”: Kế toán nhập “Mẫu HĐ”; “Ký hiệu”; “Số hóa đơn”. Những thông tin khách phần mềm đã cập nhật sang.

Tab “Phiếu xuất”: Phần mềm tự động cập nhật khi kế toán thực hiện chức năng “tính giá”.

Kết xuất ra sổ kế toán liên quan:

Để dễ theo dõi công nợ đối với khách hàng, kế toán thường hạch toán nghiệp vụ là chưa thu tiền – theo dõi trên TK 131. Ngay sau đó, thực hiện nhập vào phần mềm bút toán thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng.

Nếu bán hàng có nhận tiền ứng trước thì tại ngày nhận tiền ứng trước: Vào phân hệ “Ngân hàng”, chọn tab “Thu, chi tiền”, phần mềm sẽ hiển thị màn hình nhập liệu.

Chọn mã khách hàng.

Chọn tài khoản ngân hàng nộp vào.

Nhập lý do thu.

Nhập ngày chứng từ, ngày hạch toán.

Tại tab “Hạch toán”: nhập số liệu tài khoản và số tiền. Sau đó nhấn “Cất” để lưu trữ dữ liệu.

Khi khách hàng thanh toán nốt số tiền còn nợ:

Vào phân hệ “Ngân hàng” chọn “Thu tiền khách hàng”; phần mềm sẽ hiển thị màn hình nhập liệu.

Chọn mã khách hàng → lấy dữ liệu → tích chọn vào hóa đơn đã lập (khi nhận trước tiền) → nhập số tiền trả tiếp → Chọn “thực hiện” → Nhấn “cất” để lưu trữ dữ liệu.

Thực hiện đối trừ công nợ cho các lần thanh toán:

Tại phân hệ ngân hàng chọn “Đối trừ chứng từ”, nhập mã khách hàng cần đối trừ và ngày tháng đối trừ → sau đó lấy dữ liệu để đối trừ công nợ khách hàng.

Kết xuất ra sổ kế toán liên quan:

Sau khi nhập xong dữ liệu vào máy tính, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 511, sổ chi tiết bán hàng...

Nếu muốn chỉnh sửa sổ trên giao diện “Xem báo cáo” kích chọn “Tùy chỉnh” ở góc phải phía trên màn hình để căn chỉnh như trong Word. Sau khi chỉnh sửa xong, quay ra màn hình “Xem báo cáo” kích vào biểu tượng in trên góc trái phía trên thanh công cụ để in báo cáo.

Ví dụ 1: Ngày 28/03/2023, Công ty bán hóa chất cho Công ty TNHH Công nghệ Xuân Trường, kế toán xuất hoá đơn GTGT số 23 cho khách hàng, số tiền cả thuế GTGT 10% là 564.300.000 VND, chưa thu tiền.

Ví dụ 2: Ngày 30/07/2023, Công ty Đầu tư TNP Việt Nam Lào Cai ký hợp đồng bán hàng với công ty Hekou Yunteng Trading Company Limited hợp đồng mua bán lạc nhân khô. Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam đã thực hiện những yêu ghi trên hợp đồng cho bên khách hàng.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 23, 122 và phiếu thu số PT0098/23, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào Sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 511 và các sổ cái khác có liên quan.

Biểu 2.1. Hoá đơn GTGT số 23

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM
 Mã số thuế (Tax code): 5300791496
 Địa chỉ (Address): Kiot số 4, Khu Thương mại – Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Số tài khoản (Bank account): 8802238556688 - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Lào Cai II

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
 Ngày (Date) 28 tháng (month) 03 năm (year) 2023
 Mã CQT (Code): 00AFAEA5FA3DC64D278E7EDF7088D3B319

Ký hiệu (Serial): 1C23TTN
 Số (No.): 00000023

Họ tên người mua hàng (Buyer):
 Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XUÂN TRƯỜNG
 Mã số thuế (Tax code): 0107767947
 Địa chỉ (Address): Xóm 3, Thôn An Trai, Xã Văn Canh, Huyện Hoàĩ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account): 568968968 - Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Kim Liên, Hà Nội

Đồng tiền thanh toán (Payment Currency): VND

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	ZnSO4.7H2O (Kẽm sunfat)	Kg	54.000,00	9.500,00	513.000.000
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					513.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% Tiền thuế GTGT (VAT amount):					51.300.000
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					564.300.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Năm trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)
 (Ký, ghi rõ họ, tên)
 (Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
 (Ký, ghi rõ họ, tên)
 (Signature, full name)

Signature Valid
 Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM
 Ký ngày (Signing Date): 28/03/2023

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): N2TACLLNZLP
 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)
 Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Sau khi lô hàng hóa được giao đến cho khách hàng, hai bên cùng nghiệm thu hàng hóa. Sau đó, khách hàng sẽ tiến hành thanh toán cho công ty. Phương thức thanh toán chủ yếu là chuyển khoản

Biểu 2.2. Hợp đồng bán hàng (thu gọn)

HỢP ĐỒNG MUA BÁN 买卖合同 Số hợp đồng: 30072023 合同号: 30072023	
合同签订日期: 2023年07月30日 Thời gian ký hợp đồng: Ngày 30 tháng 07 năm 2023 Contract signing period: 30 July 2023	
Bên mua: Công Ty TNHH Thương mại Vân Đăng Hà Khẩu 买方: 河口运腾贸易公司 Buyer: Hekou Yunteng Trading Company Limited Địa chỉ: Căn 1-8, số 1 Trường Thanh, phường Bắc Sơn, thị trấn Hà Khẩu, huyện Hồng Hà, tỉnh Vân Nam 地址: 云南省红河哈尼族彝族自治州河口瑶族自治县北山坊长青路1号 Address: Room 1-8, No1 Changqing St, Beishan, Hekou country, Honghe, Yunnan, China Mã số thuế: 税号: Tax code: Đại diện: Lý Cao Sơn 公司代表: 李高山 Company representative: Ly Cao Son Chức vụ: Giám đốc 职务: 经理 Position: Director Điện thoại: 电话: Telephone: Fax: 传真: Fax:	



第一条. 合同内容

I. Nội dung hợp đồng

1.1 货物：

1.1. Hàng hóa:

1.1 Goods:

1.2. 质量标准：以中检（CCIC）为准

STT 序号	Mã hàng 货物编码	Tên vật tư 名称	ĐVT 单位	SL 数量	Đơn giá 单价(CNY)	Thành tiền 合计 (CNY)	Ghi chú 备注
1	76300122	花生 Lạc nhân khô	公斤 Kg	176.000	10,66	1.876.160	
总金额 Tổng số tiền :						1.876.160	

1.2. Bảng test sản phẩm kèm theo tiêu chuẩn chất lượng theo (CCIC)

1.2. Product test sheet with attached quality standards (CCIC)

1.3. Tổng số tiền trên đã là đơn giá bao gồm vận chuyển đến địa phận Trung

Quốc, chi phí đóng hàng, bốc dỡ hàng, vận chuyển, dung sai hợp đồng là 10%

1.3. 以上總額為單價，包括運往中國境內的運費，包裝，裝卸和運輸費用。合同公差為±10%。

1.3. The above total amount is the unit price including shipping to the Chinese territory, the cost of packing, loading and unloading, shipping. Contract tolerance is ±10%

第二条. 交货条款:

II. Điều kiện giao hàng:

II. Delivery conditions:

Biểu 2.3. Tờ khai thông quan (thu gọn)

<EXP>
1/3

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai	305705182700	Số tờ khai đầu tiên	- / 305705182700
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Mã phân loại kiểm tra	1	Mã loại hình	B11 4
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	TIHUYHC	Mã số thuế đại diện	1202
Ngày đăng ký	30/07/2023 13:03:13	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ / -	Ngày thay đổi đăng ký	/ /

Người xuất khẩu			
Mã	5300791496		
Tên	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM		
Mã bưu chính	(+84) 43		
Địa chỉ	Kí ốt số 4, Khu Thương mại và Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai,		
Số điện thoại	0923338333		

Người ủy thác xuất khẩu			
Mã			
Tên			

Người nhập khẩu			
Mã			
Tên	HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD		
Mã bưu chính			
Địa chỉ	ROOM 1-8, NO1 CHANGQING ST, HONGHE, YUNNAN, CN	BEISHAN, HEKOU COUNTY, CHINA	
Mã nước			

Đại lý Hải quan	Mã nhân viên Hải quan
-----------------	-----------------------

Số vận đơn	122300023498924		
Số lượng	3.520	BG	
Tổng trọng lượng hàng (Gross)	176.704	KGM	
Địa điểm lưu kho	10BBOZZ	DIEM LUU HH XK 10BB	
Địa điểm nhận hàng cuối cùng	CNZZZ	OTHER	
Địa điểm xếp hàng	VNTTYT	CUA KHAI THANH THUY (HA GIANG)	
Phương tiện vận chuyển dự kiến		22C00536, 23H00838, H29625, H39356	
Ngày hàng đi dự kiến	30/07/2023		
Ký hiệu và số hiệu	PTVC: H32999, H32457		

Giấy phép xuất khẩu	Số hóa đơn
1	A - INFEXKLN/070
2	Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
3	Ngày phát hành
4	Phương thức thanh toán
5	TIR
	Tổng trị giá hóa đơn
	DAF - CN - 1.876.160 - A
	Tổng trị giá tính thuế
	CNY - 1.876.160
	Tỷ giá tính thuế
	CNY - 3.258,67 -
	Tổng hệ số phân bổ trị giá
	1.876.160 -

Phân loại không cần quy đổi VND	Người nộp thuế	Mã xác định thời hạn nộp thuế	Phân loại nộp thuế
Tổng số tiền thuế xuất khẩu	1	D	A
Số tiền bảo lãnh			VND

Tổng số trang của tờ khai	3	Tổng số dòng hàng của tờ khai	1
---------------------------	---	-------------------------------	---

Số đính kèm khai báo điện tử	1	2	3
Phần ghi chú	Tờ khai này không sử dụng để thực hiện các thủ tục không thu thuế xuất khẩu, hoàn thuế nhập khẩu.		
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp		Số quản lý người sử dụng	00071

Mục thông báo của Hải quan			
Tên trường đơn vị Hải quan	CCT CC HQ CK Thanh Thủy Hà Giang		
Ngày hoàn thành kiểm tra	30/07/2023 13:0		
Ngày cấp phép xuất nhập	30/07/2023 13:0		
Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)			

Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành	
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~ / /
	2	/ /	~ / /
	3	/ /	~ / /

Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế

Biểu 2.4. Hóa đơn GTGT 122

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 5300791496

Địa chỉ (Address): Kì ốt số 4, Khu Thương mại – Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Số tài khoản (Bank account): 8802238556688 - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Lào Cai II

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TTN
Số (No.): 00000122

Ngày (Date) 31 tháng (month) 07 năm (year) 2023
Mã CQT (Code): 0095FB12C27CCE4D829999A17FAIDFE5D3

Họ tên người mua hàng (Buyer):
Tên đơn vị (Company's name): HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD
Mã số thuế (Tax code):
Địa chỉ (Address): ROOM 1-8, NO1 CHANGQING ST, BEISHAN, HEKOU COUNTY, HONGHE, YUNNAN, CHINA
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK
Đồng tiền thanh toán (Payment Currency): CNY

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Lạc nhân khô chưa qua chế biến, dùng làm thực phẩm cho người, mới qua sơ chế thông thường phơi khô, làm sạch, đóng bao 50kg/bao(tên khoa học Arachis hypogaea), mới 100%, xuất xứ Ấn Độ	Kg	176.000,00	10,66	1.876.160,000
Tổng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					1.876.160,000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0% Tiền thuế GTGT (VAT amount):					0
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					1.876.160,000 CNY
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi nhân dân tệ chẵn.					

Tỷ giá (Exchange Rate): 3.258,67 VND/CNY
Quy đổi (Equivalence): 6.113.786.307 VND

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Signature Valid
Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH ĐẦU
 TU' TNP VIỆT NAM
Ký ngày (Signing Date): 04/08/2023

Tra cứu tại Website (Search in website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu (Invoice code): J6TEUB9G0B6

(Bạn kiểm tra để tránh khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Biểu 2.5. Ủy nhiệm chi Ngân hàng BIDV

 ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER		Số/ Seq No: MDV00108 Ngày/ Date: 31/07/2023	
Tên TK trích Nợ/ Dr A/C Name: Công ty TNHH Thương mại Văn Đăng Hà Khẩu Số TK trích Nợ/ Dr A/C No: Tại NH/ At Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh/ Branch: Lào Cai		Người hưởng/ Beneficiary: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM Số CMND/HC/ ID/PP: Ngày cấp/Date: Nơi cấp/ Place: Số TK/ A/C No: Tại NH/ At Bank:	
Số tiền bằng số/ Amount in figures: 1.876.160 CNY		Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi nhân dân tệ chẵn.	
Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into: VND. Tỷ giá/ Ex rate: 3.258,67 Quy đổi/ Equiv: 6.113.786.307 VND Nội dung/Remarks: Thanh toán tiền hàng cho CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM		Phí Ngân hàng/ Charges: ☐ Phí trong/ Charge included ☐ Phí ngoài/ Charge excluded	
KHÁCH HÀNG/ CLIENT			
KẾ TOÁN TRƯỞNG/ Chief Accountant (Ký và ghi rõ họ tên/Signature & full name)		CHỦ TÀI KHOẢN/ Account Holder (Ký và ghi rõ họ tên/Signature & full name)	
NGÂN HÀNG/ BANK SENDER (BIDV)		Giao dịch viên/ Received by Kiểm soát/ Verified by	

Khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng bằng tiền CNY đến tài khoản CNY của Công ty hoặc khách hàng sẽ nhờ bên thứ ba (ngân hàng trung chuyển) thanh toán tiền hàng cho công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam tùy theo hợp đồng mua bán đã được ký kết trước đó.

Kế toán đơn vị tiến hành xuất hóa đơn, phiếu thu cho công ty khách hàng và nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán.

Bán hàng xuất khẩu - CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM

TrướcSauThêmSửaSửa nhanhCắtXóaHoànBỏ ghiPhát hành HĐĐT Lập phiếu xuấtNạpTiền íchMẫuInGửi email, ZaloGiúpĐóng

Chứng từ bán hàng

2. Bán hàng xuất khẩu

☒ Kiểm phiếu xuất kho☒ Lập kèm hóa đơn

Nhập số báo giá

☐ Chưa thu tiền☐ Thu tiền ngay

Tiền mặt☐ XK vào khu phi thuế quan và các TH được coi như XK

Chứng từ ghi nợPhiếu xuấtHóa đơn

KT tình trạng hoạt động DN

Thông tin chung

Khách hàngKH00022HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD

Mã số thuếNgười liên hệ

Địa chỉROOM 1-8, NO1 CHANGQING ST, BEISHAN, HEKOU COUNTY, HONGHE, YUNNAN, CHINA

Diễn giảiBán hàng HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD theo hóa đơn 00000122

NV bán hàng

Tham chiếu1C23TTN-00000122 XK0081/23 NTTK0212/23 NTTK0215/23 NTTK0217/23 NTTK0219/23 NTTK0221/23 NTTK0222/23 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán31/07/2023

Ngày chứng từ31/07/2023

Số chứng từBH0108/23

ĐÃ CẤP MÃ

Điều khoản TTSố ngày được nợ(ngày)Hạn thanh toánThêm nhắc việc...

1. Hàng tiền2. Thuế3. Giá vốn4. Thông kê5. Khác

Loại tiềnCNYTỷ giá3.258,67

Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ	TK doanh thu	Mã q	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền quy đổi	Tỷ lệ CK (%)
VT00026	Lạc nhân khô chưa qua chế biến,	131	5111		kg	176.000,00	10,66	1.876.160,00	6.113.786.307	0,00
Số dòng = 1						176.000,00		1.876.160,00	6.113.786.307	
Phân bổ chiết khấu...										
		Tổng tiền hàng				1.876.160,00	6.113.786.307			
Xem công nợ		Tiền chiết khấu				0,00	0	Tổng tiền thanh toán	1.876.160,00	6.113.786.307

Chứng từ ghi nợPhiếu xuấtHóa đơn

KT tình trạng hoạt động DN

Thông tin chung

Khách hàngKH00022HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD

Người nhận

Địa chỉROOM 1-8, NO1 CHANGQING ST, BEISHAN, HEKOU COUNTY, HONGHE, YUNNAN, CHINA

Lý do xuấtXuất kho bán hàng HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD theo hóa đơn 00000122

NV bán hàngKèm theo chứng từ gốc

Tham chiếuBH0108/23 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán31/07/2023

Ngày chứng từ31/07/2023

Số phiếu xuấtXK0081/23

Chứng từ ghi nợPhiếu xuấtHóa đơn

KT tình trạng hoạt động DN

Thông tin chung

Khách hàngKH00022HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD

Địa chỉROOM 1-8, NO1 CHANGQING ST, BEISHAN, HEKOU COUNTY, HONGHE, YUNNAN, CHINA

Mã số thuếTK ngân hàng

Diễn giảiBán hàng HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD theo hóa đơn 00000122

Người mua hàngHình thức TT

Tham chiếuBH0108/23 ...

Hóa đơn

Mẫu số HĐ

Ký hiệu HĐ1C23TTN

Số hóa đơn00000122

Ngày hóa đơn31/07/2023

ĐÃ CẤP MÃ

Biểu 2.6. Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Ki ốt số 4, Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành,
Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào
Cai, Việt Nam

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
27/03	MDV008/23	27/03	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MIỀN ĐẤT XANH theo hóa đơn 00003194	154	3.445.455	
				1331	344.546	
				1111		3.790.001
28/03	BH0020/23	28/03	Bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XUÂN TRƯỜNG theo hóa đơn 00000023	131	564.300.000	
				5111		513.000.000
				3331 1		51.300.000
...	...	...	...	...	...	...
31/07	BH0105/23	27/03	Bán hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THIÊN SƠN LỘC theo hóa đơn 00000121	131	44.604.000	
				5113		41.300.000
				3331		3.304.000
31/07	BH0108/23	31/07	Bán hàng HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD theo hóa đơn 00000122	131	6.113.786.307	
				5111		6.113.786.307
.....						
			Tổng cộng phát sinh		4.506.213.225.597	4.506.213.225.597

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)

Biểu 2.7. Sổ Cái TK 511**Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam**

Ki ốt số 4, Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành,
 Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào
 Cai, Việt Nam

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-
 BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2023****Tài khoản: 511- Doanh thu bán hàng hóa****Đơn vị tính: đồng**

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
28/03	BH0019/23	28/03	Bán hàng MALIPO RUNLI TRADING CO.,LTD theo hóa đơn 00000022	131		13.038.898.733
28/03	BH0020/23	28/03	Bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XUÂN TRƯỜNG theo hóa đơn 00000023	131		513.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/07	BH0105/23	27/03	Bán hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THIÊN SƠN LỘC theo hóa đơn 00000121	131		44.604.000
31/07	BH0108/23	31/07	Bán hàng HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD theo hóa đơn 00000122	131		6.113.786.307
.....						
			- Cộng số phát sinh		398.478.007.705	753.507.665.973
			- Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)

2.2.3. Thực trạng công tác Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam sử dụng kết quả giá vốn đã tính sẵn trên phần mềm, do vậy sau mỗi nghiệp vụ ghi nhận doanh thu chưa ghi nhận ngay giá vốn. Cuối mỗi kỳ kế toán thì kế toán tiến hành xác định giá vốn xuất kho cho cả kỳ. Công ty xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Chứng từ sử dụng:

Phiếu xuất kho, Hóa đơn bán hàng, hoá đơn GTGT...

Tài khoản sử dụng:

TK 632 – Giá vốn hàng bán

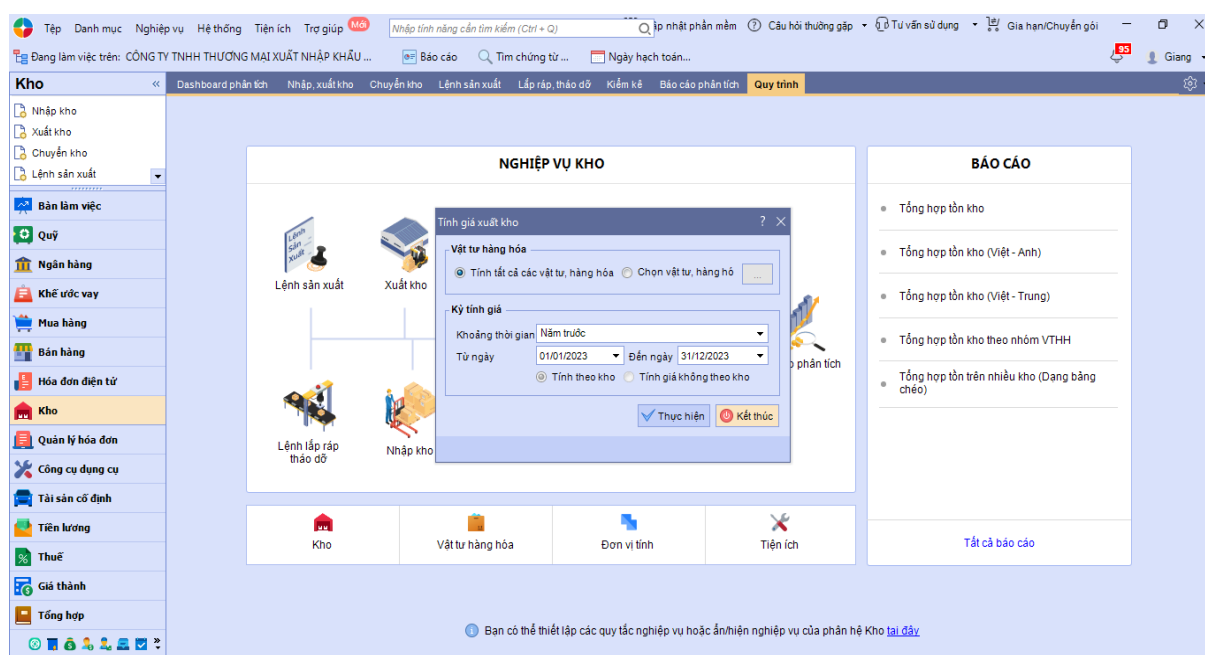
Các tài khoản liên quan khác: TK 154, TK 155, TK 156,...

Quy trình hạch toán kế toán Giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Hàng ngày, kế toán kho căn cứ vào hóa đơn cùng phiếu xuất kho từ đó nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán. Từ màn hình chính, chọn “Kho”, chọn “Xuất kho” sau đó nhập các thông tin cần thiết. Sau khi hoàn thành, kích vào nút “Cất” phần mềm sẽ tự động lưu dữ liệu, và cập nhật các sổ liên quan: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 632, ...

Thông thường khi lập Hóa đơn bán hàng, kế toán sẽ tích chọn Bán hàng kèm phiếu xuất kho

Giao diện phần giá vốn hàng bán:



Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện thao tác tính giá vốn hàng bán trên phần mềm.

Ví dụ 3: Ngày 28/03/2023, Công ty bán hóa chất cho Công ty TNHH Công nghệ Xuân Trường, kế toán xuất hoá đơn GTGT số 23 cho khách hàng, số tiền cả thuế GTGT 10% là 564.300.000 VND

Biểu 2.8. Phiếu xuất kho XK0080/23

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam Ki ốt số 4, Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam				Mẫu số 02-VT (Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
PHIẾU XUẤT KHO Ngày 28 tháng 03 năm 2023 Số: XK0080/23						
Người mua:				Nợ: 632		
Tên khách hàng: Công ty TNHH Công nghệ Xuân Trường				Có: 156		
Địa chỉ: Xóm 3, thôn Anh Trai, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam						
Điện thoại:						
Mã số thuế: 0107767947						
Diễn giải: Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XUÂN TRƯỜNG theo hóa đơn 00000023						
STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	VT00014	ZnSO4.7H2O (Kẽm Sunfat)	kg	54.000,00	9.400,00	507.600.000
TỔNG CỘNG						507.600.000
Bằng chữ: Năm trăm linh bảy triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.						
Ngày...tháng...năm...						
Người lập phiếu (Ký, ghi rõ họ tên)		Người nhận hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ kho (Ký, ghi rõ họ tên)		

Ví dụ 4: Ngày 30/07/2023, Công ty Đầu tư TNP Việt Nam Lào Cai ký hợp đồng bán hàng với công ty Hekou Yunteng Trading Company Limited hợp đồng mua bán lạc nhân khô.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 23 và Hóa đơn GTGT số 122, kế toán xác định đơn giá xuất kho rồi tiến hành lập phiếu xuất kho số XK0020/23, XK0081/23. Cuối kỳ, kế toán cập nhật dữ liệu vào phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tự động lưu dữ liệu và cập nhật các sổ liên quan: sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 632 và các sổ Cái TK có liên quan khác.

Biểu 2.9. Phiếu xuất kho XK0081/23

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam Ki ốt số 4, Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam				Mẫu số 02-VT (Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
PHIẾU XUẤT KHO Ngày 30 tháng 07 năm 2023 Số: XK0081/23						
Người mua:				Nợ: 632		
Tên khách hàng: HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD				Có: 156		
Địa chỉ: ROOM 1-8, NO1 CHANGQING ST, BEISHAN, HEKOU COUNTRY, HONGHE, YUNNAN, CHINA						
Mã số thuế:						
Diễn giải: Xuất kho bán hàng HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD theo hóa đơn 00000122						
STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	VT00026	Lạc nhân khô	kg	176.000,00	10,44	1.837.743,00
TỔNG CỘNG						1.837.743,00
<i>Bằng chữ: Một triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi ba nhân dân tệ.</i>						
Số chứng từ gốc kèm theo:.....						
Tỷ giá:		3.258,67 VND/CNY				
Quy đổi:		5.988.600.000 VND				
Ngày...tháng...năm...						
Người lập phiếu		Người nhận hàng		Thủ kho		
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		

Biểu 2.10. Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Ki ốt số 4, Khu Thương mại Công nghiệp

(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày

Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai,

26/8/2016 của BTC)

Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
28/03	XK0020/23	28/03	Giá vốn hàng bán CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XUÂN TRƯỜNG theo hóa đơn 00000023	632	507.600.000	
				156		507.600.000
28/03	BH0020/23	28/03	Bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XUÂN TRƯỜNG theo hóa đơn 00000023	131	564.300.000	
				5111		513.000.000
				3331 1		51.300.000
...	...	...	...	...	...	...
31/07	XK0081/23	31/07	Xuất kho bán hàng HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD theo hóa đơn 00000122	632	5.988.600.000	
				156		5.988.600.000
31/07	BH0108/23	31/07	Bán hàng HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD theo hóa đơn 00000122	131	6.113.786.307	
				5111		6.113.786.307
.....						
			Tổng cộng phát sinh		4.506.213.225.597	4.506.213.225.597

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên đóng dấu)

Biểu 2.11. Sổ Cái TK 632

Đơn vị: Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Địa chỉ: Kí ốt số 4, Khu Thương mại Công nghiệp
Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH T K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
28/03	XK0019/2 3	28/03	Xuất kho bán hàng MALIPO RUNLI TRADING CO.,LTD theo hóa đơn 00000022	156	12.907.206.000	
28/03	XK0020/2 3	28/03	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XUÂN TRƯỜNG theo hóa đơn 00000023	156	507.600.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/07	XK0108/2 3	31/07	Xuất kho bán hàng HEKOU YUNTENG TRADING CO.,LTD theo hóa đơn 00000122	156	5.988.600.000	
.....						
			- Cộng số phát sinh		353.872.120.048	363.400.262.048
			- Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)

2.2.4. Thực trạng công tác Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

2.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng tại công ty gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, bao gồm chi phí lương cho nhân viên bán hàng, chi phí vận chuyển, chi phí bảo quản, đóng gói hàng hóa, ... Chi phí vận chuyển được xác định bằng chi phí xăng ô tô, tiền cước vận chuyển, chi phí vận tải.

Chi phí khấu hao tài sản liên quan đến bán hàng được công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Chứng từ sử dụng: Giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tạm ứng, phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn GTGT, bảng lương, bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định...

Quy trình kế toán:

Hàng ngày, khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán căn cứ vào hoá đơn, chứng từ (bảng phân bổ tiền lương, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, phiếu chi, hoá đơn...) nhập dữ liệu vào máy tính. Cuối tháng kế toán tổng hợp tiến hành lập chứng từ ghi sổ. Sau đó số liệu từ Chứng từ ghi sổ sẽ tự động lên Sổ kế toán liên quan.

Đối với chi phí vận chuyển, vận tải và các chi phí khác liên quan:

Nợ TK 6421 : Chi phí vận chuyển

Có TK 111/331/.... : Số tiền thanh toán, phải trả khác.

Ví dụ 5: Ngày 31/07/2023, Công ty mua dịch vụ vận chuyển để phục vụ công việc giao hàng của công ty TNHH THL Bắc Giang với số tiền cả thuế GTGT 8% là 25.920.000 VND chưa thanh toán.

Biểu 2.12. Hóa đơn GTGT số 140

CÔNG TY TNHH THL BẮC GIANG

Mã số thuế (Tax code): 2400868771

Địa chỉ (Address): Cầu Trong, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Số tài khoản (Bank account): 188418899 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPbank) - Bắc Giang

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): C23TTH
Số (No.): 00000140

Ngày (Date) 31 tháng (month) 07 năm (year) 2023

Mã QCT (Code): 008E02EBC09EB74615A0DF20A7FA5DD075

Họ tên người mua hàng (Buyer):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM
Mã số thuế (Tax code): 5300791496
Địa chỉ (Address): Kí ốt số 4, Khu Thương mại – Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK
Số tài khoản (Bank account): 8802238556688 – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam – CN Lào Cai II

Đồng tiền thanh toán (Payment Currency): VND

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Vận chuyển Lạc từ cảng Hải Phòng đến Hà Giang	Chuyến	2,00	12.000.000,00	24.000.000
Tổng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					24.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount):					1.920.000
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					25.920.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Signature Valid
Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH THL BẮC GIANG
Ký ngày (Signing Date): 31/07/2023

Tra cứu tại Website (Search in website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu (Invoice code): 77TWU40_7V5
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)
Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Biểu 2.13. Ủy nhiệm chi 315/23

 NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM AGRIBANK <i>Mang phân thịnh đến khách hàng</i>		ỦY NHIỆM CHI Payment Order Ngày 31/07/2023 <i>Date</i>		Số: UNC0315/2 No 3	Liên 1: Ngân hàng <i>Original Bank</i> Loại tiền tệ: VND <i>Currency</i>
CHI NHÁNH Tỉnh Lào Cai					
Khách hàng trả tiền: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM <i>Applicant</i> Số tài khoản: 8800686826868 <i>Account No</i> Khách hàng thụ hưởng: <i>Beneficiary</i> Số CMT/Hộ chiếu: <i>ID/Passport No</i> Số tài khoản: <i>Account No</i> Số tiền bằng chữ: Hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn. <i>Amount in words</i> Nội dung: Phí vận chuyển <i>Details</i>			Điện thoại: <i>Tel</i> Tại Agribank: Agribank Tỉnh Lào Cai <i>At Agribank</i> Ngày cấp: <i>Date of issue</i> Nơi cấp: <i>Place of issue</i> Tại ngân hàng: <i>At bank</i> Số tiền bằng số <i>Amount in figures</i> 25.920.000 VND Phí ☐ Phí trong <i>Charge Charge included</i> ☐ Phí ngoài <i>Charge excluded</i>		
Khách hàng trả tiền (Applicant) Kế toán trưởng <i>Chief accountant</i>			Giao dịch viên (Teller) Chủ tài khoản <i>Account holder</i>		Kiểm soát (Supervisor)
Khách hàng kiểm tra và chịu trách nhiệm về thông tin trước khi ký/ Customer checks and takes responsibility for information on receipt					
www.agribank.com.vn					

2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty bao gồm chi phí quản lý chung của công ty, bao gồm chi phí lương cho giám đốc, cho nhân viên kế toán, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, internet,...)

Chứng từ sử dụng: Giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tạm ứng, phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn,...

Quy trình kế toán: Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam bao gồm phí chuyển khoản, phí SMS...

Nợ TK 6422 : Phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 1331 (nếu có) : Số thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 1111/1121 : Số tiền thanh toán

Ví dụ 6: Ngày 09/09/2023, Công ty thanh toán cước phí SMS Banking của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với số tiền là 55.000 VND. Kế toán hạch toán nghiệp vụ vào phần mềm.

[illegible]

Biểu 2.14. Ủy nhiệm chi 246/23

 SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN ĐC: MÃ VAT:		CHỨNG TỪ GIAO DỊCH ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER Ngày (Date): 09/09/2023	
ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (Please Debit account):		SỐ TIỀN (With amount):	PHÍ NH (Bank charges)
SỐ TK (A/C No.): 1050356789 TÊN TK (A/C Name): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM ĐỊA CHỈ (Address): Kiot số 4, Khu Thương mại – Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam TẠI NH (With Bank): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		BẢNG SỐ (In figures): 55.000 VND BẢNG CHỮ (In words): Năm mươi lăm nghìn đồng chẵn.	Phí trong Including Phí ngoài Excluding
& GHI CÓ TÀI KHOẢN (& Credit account):		NỘI DUNG (Details of Payment): Phí SMS	
SỐ TK (A/C No.): TÊN TK (A/C Name): ĐỊA CHỈ (Address): TẠI NH (With Bank):		KẾ TOÁN TRƯỞNG KÝ CHỦ TÀI KHOẢN KÝ VÀ ĐÓNG DẤU Chief Accountant Acc. Holder & Stamp	
DÀNH CHO NGÂN HÀNG (for Bank's Use only) MÃ VAT:			
Thanh toán viên		Kiểm soát	Giám đốc

Căn cứ vào Hóa đơn số 140 và Hóa đơn số 20494 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan: sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 6421, Sổ cái TK 6422,...

Biểu 2.15. Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Ki ốt số 4, Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành,
Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào
Cai, Việt Nam

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính : đồng

Ngày y ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH T K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/07	MDV0121/23	31/07	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MIỀN ĐẤT XANH theo hóa đơn 00000770	154	7.800.000	
				1331	624.000	
				331		8.424.000
31/07	MDV0004/23	31/07	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH THL BẮC GIANG	6421	24.000.000	
				1331	1.920.000	
				331		25.920.000
...	...	...	...	...	...	...
09/09	UNC0246/23	09/09	Phí SMS	6422	55.000	
				1121		55.000
11/09	NTTK0214/23	11/09	Thu tiền hoàn	1121	1.374.080.000	
				1388		1.374.080.000
...	...	...	...	...	...	...
			Tổng cộng phát sinh		4.506.213.225.597	4.506.213.225.597

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)

Biểu 2.16. Sổ Cái TK 6421

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Mẫu số S03b-DNN

Ki ốt số 4, Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành,
Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai,
Việt Nam

(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 6421 – Chi phí bán hàng

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
21/07	MDV 0003/23	21/07	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HUNG THÀNH	331	25.000.000	
31/07	MDV 0004/23	31/07	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH THL BẮC GIANG	331	24.000.000	
31/07	MDV 0004/23	31/07	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BỘ XUÂN TRƯỜNG	331	60.000.000	
.....						
			- Cộng số phát sinh		6.272.203.000	6.272.203.000
			- Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên đóng dấu)

Biểu 2.17. Sổ Cái TK 6422

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Ki ốt số 4, Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành,
Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào
Cai, Việt Nam

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	S H T K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
08/09	UNC0243 /23	08/09	Phí duy trì tk	112 1	33.000	
09/09	UNC0246 /23	09/09	Phí SMS	1121	55.000	
28/09	UNC0265 /23	28/09	Thanh toán tiền hàng	112 1	2.750.000	
.....						
			- Cộng số phát sinh		716.229.10 8	716.229.108
			- Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)

2.2.5. Thực trạng công tác Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo Có, giấy báo Nợ
- Các chứng từ có liên quan khác

Tài khoản sử dụng: TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

Các tài khoản có liên quan: TK 112

Quy trình kế toán:

Hàng ngày, kế toán thu thập chứng từ kế toán sau đó kiểm tra và lấy căn cứ để ghi sổ Nhật ký chung và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi sổ cái vào các tài khoản 515 và các tài khoản liên quan.

Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 7: Ngày 31/05/2023 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thông báo tài khoản Công ty ghi Có số tiền 112.110 VND với nội dung Lãi tiền gửi ngân hàng.

Biểu 2.18. Giấy báo Có ngân hàng Vietinbank

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM

Ki ốt số 4, Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

GIẤY BÁO CÓ

Người nộp tiền:		Số: NTTK0151/23		
Địa chỉ:		Ngày: 31/05/2023		
Lý do: Lãi tiền gửi		Tài khoản: 1121		
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: 112635796888				
Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam				
Số tiền: 112.110		Loại tiền: VND		
Số tiền bằng chữ: Một trăm mười hai nghìn một trăm mười đồng chẵn.				
Diễn giải	Số tiền nguyên tệ (VND)	Số tiền (VND)	Ghi Nợ	Ghi Có
Lãi tiền gửi	112.110	112.110	1121	515

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Biểu 2.19. Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam

Ki ốt số 4, Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành,
Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào
Cai, Việt Nam

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
29/05	MDV0089 /23	29/05	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MIỀN ĐẤT XANH theo hóa đơn 00000424	154	9.000.000	
				1331	900.000	
				331		9.900.000
29/05	BH0077/2 3	29/05	Bán hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THIÊN SƠN LỘC theo hóa đơn 00000092	131	45.650.000	
				5113		41.500.000
				33311		4.150.000
...	...	...	...	...	...	...
31/05	NTTK015 1/23	31/05	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121	112.110	
				515		112.110
.....						
			Tổng cộng phát sinh		4.506.213.225.597	4.506.213.225.597

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)

Biểu 2.20. Sổ Cái TK 515**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM**

Ki ốt số 4, Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành,
Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt
Nam

Mẫu số: S03b-DNN*(Ban hành theo Thông tư số**133/2016/TT-BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính***SỔ CÁI****(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2023****Tài khoản:****515 - Doanh thu hoạt động tài chính****Đơn vị tính: VND**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
30/05	NVK0032/23	30/05	Xử lý chênh lệch tỷ giá khi thực hiện đối trừ chứng từ	1121		2.691.771.059
31/05	NTTK0151/ 23	31/05	Lãi tiền gửi Ngân hàng	1121		112.110
31/05	NTTK0152/2 3	31/05	Lãi tiền gửi Ngân hàng	1121		83.500
...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh		4.691.344.134	4.691.344.134
			- Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên đóng dấu)*

2.2.6. Thực trạng kế toán xác định kết quả bán hàng

Việc xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp thương mại là khâu quan trọng nhằm xác định thành quả hoạt động của doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng:

- TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK liên quan.

Quy trình kế toán:

Cuối kỳ kế toán, số tổng phát sinh từ sổ cái các tài khoản được chuyển sang chứng từ kết chuyển để kết chuyển doanh thu, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh quý.

Số liệu trên chứng từ kết chuyển được cập nhật vào sổ nhật ký chung. Từ nhật ký chung, các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được chuyển sang sổ cái TK 911

Công thức xác định kết quả bán hàng:

Kết quả bán hàng = (DTT từ hoạt động BH và CCDV – GVHB) – CPBH – CPQLDN

Cuối kỳ, để xác định kết quả từ hoạt động bán hàng, kế toán cần thực hiện các bút toán kết chuyển.

Các bút toán kết chuyển thực hiện là:

- Kết chuyển các TK làm giảm doanh thu (TK 5211) để xác định doanh thu thuần.
- Kết chuyển TK (5111, 5113, 5114) sang TK 911.
- Kết chuyển TK 632 sang TK 911.
- Kết chuyển TK (6421, 6422, 6423, 6424, 6425, 6427, 6428) sang TK 911

Phần mềm kế toán không thực hiện kết chuyển kết quả bán hàng riêng mà cho phép thực hiện các bút toán kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh tự động thông qua bảng kết chuyển.

Cuối mỗi kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển. Cụ thể:

Vào phân hệ Tổng hợp → Chọn Tab “Kết chuyển lãi lỗ” → Nhấn “Thêm”.

Chọn ngày kết chuyển là ngày cuối kỳ, phần mềm sẽ tự động kết chuyển.

Ví dụ 8: Ngày 31/12/2023, Kế toán Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam thực hiện kết chuyển Lãi lỗ từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Quy trình hạch toán trên phần mềm:

- *Bước 1:* Mở phần mềm Misa của Công ty
- *Bước 2:* Vào phân hệ Nghiệp vụ → Tổng hợp → Kết chuyển lãi lỗ
- *Bước 3:* Khai báo thông tin chi tiết:
 - Diễn giải : Kết chuyển Lãi lỗ đến ngày 31/12/2023
 - Ngày hạch toán và Ngày chứng từ : 31/12/2023
 - Tab “hạch toán”: Phần mềm tự động kết chuyển.
- *Bước 4:* Cất

Kết chuyển lãi, lỗ - CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM

←

→

TrướcSauThêmSửaSửa nhanhCắtXóaHoànBỏ ghiNạpTiện íchMẫuInGiúpĐóng

Kết chuyển lãi, lỗ

Thông tin chung

Diễn giải

Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán

31/12/2023

Ngày chứng từ

31/12/2023

Số chứng từ

NVK0085/23

1. Hạch toán

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Mã thống kê
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5111	911	369.900.307.191	
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5113	911	1.177.800.000	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.691.329.234	
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	364.536.901.619	
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	765.897.043	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6421	6.272.203.000	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6422	716.207.108	
Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong kỳ	711	911	250.761	
Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ	911	811	1.429.058	
Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	911	4212	3.477.049.358	
Số dòng = 10			751.539.374.372	

Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 5111: 369.900.307.191

Có TK 911: 369.900.307.191

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 5111; Năm 2023

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
12/10/2023	12/10/2023	BH0118/23	Xéc măng lá van thủy lực HTA	5111	131	0	163,200,000	0	368,736,927,191
12/10/2023	12/10/2023	BH0118/23	Xéc măng lá van thủy lực HTA	5111	131	0	63,380,000	0	368,800,307,191
12/10/2023	12/10/2023	BH0119/23	Van điều tiết khí máy giãn nở tải	5111	131	0	50,400,000	0	368,850,707,191
19/12/2023	19/12/2023	BH0120/23	Thuốc tuyến tạo bọt BK201 CAS	5111	131	0	1,049,600,000	0	369,900,307,191
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển doanh thu bán hàng	5111	911	369,900,307,191	0	0	0
			Cộng	5111		369,900,307,191	369,900,307,191		
			Số dư cuối kỳ	5111				0	0
Số dòng = 141						369,900,307,191	369,900,307,191		

Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 515: 4.691.334.134

Có TK 911: 4.691.334.134

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 515; Năm 2023

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2023	31/12/2023	NVK0075/23	Xử lý chênh lệch tỷ giá đối trừ	515	331	0	13,016,265	0	4,681,304,442
31/12/2023	31/12/2023	NVK0076/23	Xử lý chênh lệch tỷ giá đối trừ	515	331	0	4,059,210	0	4,685,363,652
31/12/2023	31/12/2023	NVK0077/23	Xử lý chênh lệch tỷ giá đối trừ	515	331	0	3,762,500	0	4,689,126,152
31/12/2023	31/12/2023	NVK0078/23	Xử lý chênh lệch tỷ giá đối trừ	515	331	0	2,201,595	0	4,691,327,747
31/12/2023	31/12/2023	NVK0082/23	Xử lý chênh lệch tỷ giá lãi của chứng từ UN	515	1122	0	1,166	0	4,691,328,913
31/12/2023	31/12/2023	NVK0082/23	Xử lý chênh lệch tỷ giá lãi của chứng từ UN	515	1122	0	321	0	4,691,329,234
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4,691,329,234	0	0	0
			Cộng	515		4,691,344,134	4,691,344,134		
			Số dư cuối kỳ	515				0	0
Số dòng = 82						4,691,344,134	4,691,344,134		

Kết chuyển giá vốn hàng bán

Nợ TK 911: 364.536.901.619

Có TK 632: 364.536.901.619

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 632; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
12/10/2023	12/10/2023	XK0091/23	Bơm bùn trục ngang 100ZJ-A36	632	156	278.691,391	0	361,820,994,267	0
12/10/2023	12/10/2023	XK0091/23	Xéc măng lá van thủy lực HTA	632	156	81,219,994	0	361,902,214,261	0
12/10/2023	12/10/2023	XK0091/23	Xéc măng lá van thủy lực HTA	632	156	99,509,034	0	362,001,723,295	0
12/10/2023	12/10/2023	XK0091/23	Xéc măng lá van thủy lực HTA	632	156	118,366,508	0	362,120,089,803	0
12/10/2023	12/10/2023	XK0091/23	Xéc măng lá van thủy lực HTA	632	156	159,934,911	0	362,280,024,714	0
12/10/2023	12/10/2023	XK0091/23	Xéc măng lá van thủy lực HTA	632	156	62,111,351	0	362,342,136,065	0
12/10/2023	12/10/2023	XK0092/23	Van điều tiết khí máy giãn nở tả	632	156	49,390,983	0	362,391,527,048	0
19/12/2023	19/12/2023	XK0093/23	Thuốc tuyển tạo bọt BK201 CA	632	156	1,008,735,000	0	363,400,262,048	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK0069/23	Kết chuyển TK154 sang TK632	632	154	1,136,639,571	0	364,536,901,619	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	911	0	364,536,901,619	0	0
			Cộng	632		364,536,901,619	364,536,901,619		
			Số dư cuối kỳ	632				0	0
Số dòng = 143						364,536,901,619	364,536,901,619		

Kết chuyển chi phí bán hàng

Nợ TK 911: 6.272.203.000

Có TK 6421: 6.272.203.000

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 6421; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
05/08/2023	05/08/2023	MDV 0006/23	Vận chuyển hàng từ Hải Phòng - Hà Giang	6421	331	51,000,000	0	4,881,813,000	0
31/08/2023	31/08/2023	NVK0054/23	Tính lương T8/2023 BPBH	6421	334	477,607,000	0	5,359,420,000	0
30/09/2023	30/09/2023	NVK0057/23	Tính lương T9/2023 BPBH	6421	334	476,934,000	0	5,836,354,000	0
31/10/2023	31/10/2023	NVK0062/23	Tính lương T10/2023 BPBH	6421	334	145,155,000	0	5,981,509,000	0
30/11/2023	30/11/2023	NVK0066/23	Tính lương T11/2023 BPBH	6421	334	145,347,000	0	6,126,856,000	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK0084/23	Tính lương T12/2023 BPBH	6421	334	145,347,000	0	6,272,203,000	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	911	0	6,272,203,000	0	0
			Cộng	6421		6,272,203,000	6,272,203,000		
			Số dư cuối kỳ	6421				0	0
Số dòng = 39						6,272,203,000	6,272,203,000		

Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 911: 716.229.108

Có TK 6422: 716.229.108

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 6422; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
26/12/2023	26/12/2023	UNC0313/23	Phí chuyển tiền	6422	1121	2,736,269	0	662,626,837	0
29/12/2023	29/12/2023	UNC0314/23	Thoái chi lãi tiền gửi T6/2023	6422	1122	48,840	0	662,675,677	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK0084/23	Tính lương T12/2023 BPQL	6422	334	53,496,000	0	716,171,677	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	911	0	716,207,108	0	35,431
31/12/2023	31/12/2023	UNC0315/23	Phí QLTK	6422	1121	11,000	0	0	24,431
31/12/2023	31/12/2023	UNC0316/23	Phí QLTK T12/2023	6422	1121	11,000	0	0	13,431
31/12/2023	31/12/2023	UNC0317/23	Phí QLTK	6422	1122	13,431	0	0	0
			Cộng	6422		716,229,108	716,229,108		
			Số dư cuối kỳ	6422				0	0
Số dòng = 159						716,229,108	716,229,108		

Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ

Nợ TK 911: 8.239.569.679

Có TK 4212: 8.239.569.67

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 4212; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			Số dư đầu kỳ	4212				4,762,520,321	0
02/01/2023	02/01/2023	NVK0002/23	Kết chuyển lỗ năm 2022	4212	4211	0	4,762,520,321	0	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4212	911	0	3,477,049,358	0	3,477,049,358
			Cộng	4212		0	8,239,569,679		
			Số dư cuối kỳ	4212				0	3,477,049,358
Số dòng = 5						0	8,239,569,679		

Biểu 2.21. Sổ chi tiết tài khoản 911

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM

Ki ốt số 4, Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Loại tiền: <<Tổng hợp>>; Tài khoản: 911; Năm 2023

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	5111		369.900.307.191		369.900.307.191
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	5113		1.177.800.000		371.078.107.191
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	515		4.691.329.234		375.769.436.425
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	364.536.901.619			11.232.534.806
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	765.897.043			10.466.637.763
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6421	6.272.203.000			4.194.434.763
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6422	716.207.108			3.478.227.655
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong kỳ	911	711		250.761		3.478.478.416
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ	911	811	1.429.058			3.477.049.358
31/12/2023	31/12/2023	NVK0085/23	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	911	4212	3.477.049.358			
			Cộng	911		375.769.687.186	375.769.687.186		
			Số dư cuối kỳ	911					
Tổng cộng						375.769.687.186	375.769.687.186		

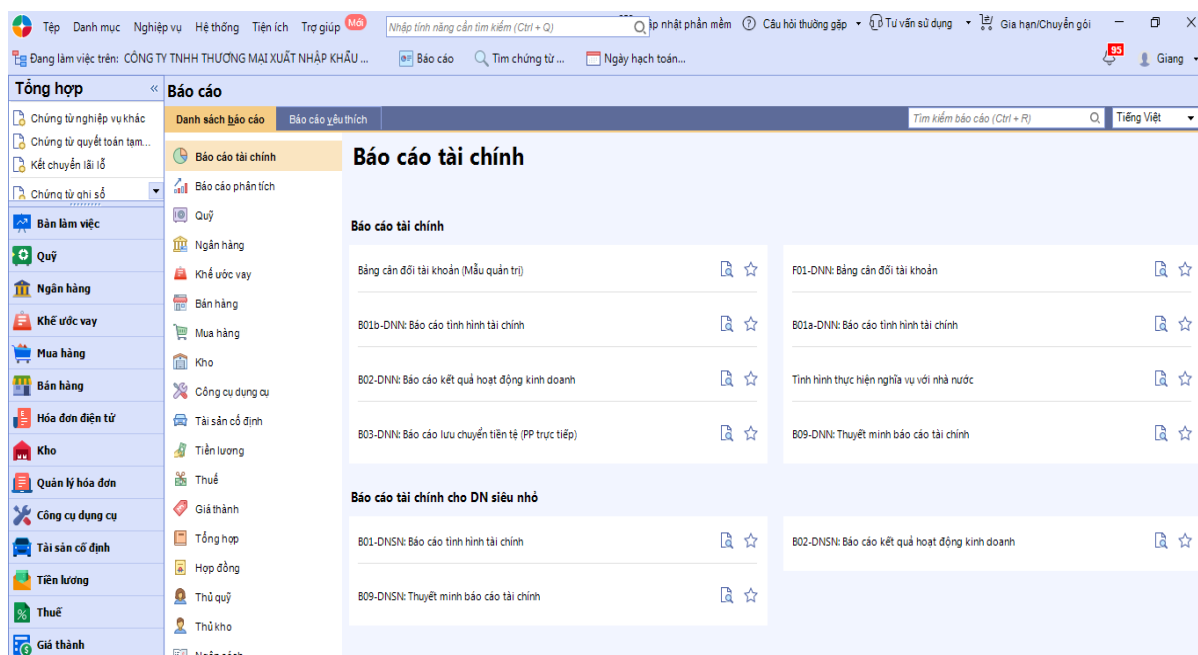
Tại công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam Lào Cai, việc xác định kết quả bán

hàng được thực hiện đơn giản qua những thao tác trên phần mềm kế toán, giúp cho công việc kết xuất dữ liệu và tính toán được nhanh gọn, chính xác hơn.

2.2.7. Trình bày thông tin trên Báo cáo tài chính

Sau khi khóa sổ kỳ kế toán, kế toán vào phần “Báo cáo” từ “Bàn làm việc” để lựa chọn Báo cáo và Sổ kế toán muốn lập. Phần mềm sẽ tự động lập Báo cáo tài chính theo các dữ liệu đã nhập trong kỳ.

Giao diện xuất báo cáo, sổ kế toán:



Biểu 2.22. Báo cáo kết quả Hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2023****[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM****[03] Mã số thuế:**

5300791496

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	371.078.107.191	428.630.699.294
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	0	3.223.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		371.078.107.191	425.407.699.294
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	364.536.901.619	418.863.919.748
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.541.205.572	6.543.779.546
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.691.329.234	16.359.573
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	765.897.043	182.947.475
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.6	6.988.410.108	7.928.377.752
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		3.478.227.655	(1.551.186.108)
10. Thu nhập khác	31	VI.7	250.761	5.440.600
11. Chi phí khác	32	VI.8	1.429.058	3.216.774.813
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.178.297)	(3.211.334.213)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.477.049.358	(4.762.520.321)
14. Chi phí thuế TNDN	51	VI.9	0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		3.477.049.358	(4.762.520.321)

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TNP VIỆT NAM.

3.1. Đánh giá chung tình hình Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam.

Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam đã và đang tập trung trí tuệ cũng như sức lực để đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ thiết bị để hoàn thiện kinh doanh...

Công ty cũng đang tìm hiểu, nghiên cứu để đa dạng hóa các sản phẩm hơn để thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng, của thị trường đồng thời mang lại lợi nhuận cho công ty cũng như nhà đầu tư.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của quá trình kế toán trong công ty. Vì vậy nó đã không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu về thông tin của nhà quản lý.

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về tổ chức quản lý bộ máy kinh doanh

Về bộ máy quản lý: Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức hợp lý, mỗi một phòng ban được đảm nhiệm những chức năng khác nhau nhưng lại có mối liên kết gắn bó như những mặt xích trong một guồng máy. Các phòng ban phối hợp nhịp nhàng trong kinh doanh và tuân thủ theo chỉ đạo của ban lãnh đạo. Nhờ có hệ thống các phòng ban mà công ty ngày càng kinh doanh có hiệu quả.

Về mô hình hạch toán kinh doanh: Công ty hạch toán kinh doanh độc lập trong lĩnh vực thương mại xuất nhập khẩu, tự giao dịch ký kết hợp đồng kinh doanh với các đơn vị khác. Công ty tự tìm kiếm thị trường, kinh doanh theo nguyên tắc được ăn, lỗ chịu.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của công ty có sự chuyên môn hoá, đảm bảo đúng nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng: mỗi người được phân công thực hiện một số công việc kế toán khác nhau, có tính chất logic cao, tạo ra sự chuyên môn hoá khả năng làm việc. Do vậy, cán bộ nhân viên đã hết lòng với công việc và đạt hiệu quả làm việc cao. Tổ chức, bố trí hợp lý các cán bộ kế toán, phù hợp với năng lực của từng người, tạo ra môi trường làm việc hợp lý, làm cho mỗi người đều hài lòng với công việc được giao. Vì vậy, công tác kế toán và quản lý tại Công ty có tính hiệu quả, kinh tế cao.

Về hình thức tổ chức công tác kế toán: Hiện nay công ty áp dụng theo loại hình tổ chức công tác kế toán vừa tập trung vừa phân tán (liên hợp). Nhờ đó, công tác kế toán đã nắm bắt được toàn bộ các thông tin được đầy đủ. Trên cơ sở đó để kiểm tra đánh giá, chỉ đạo một cách kịp thời hoạt động của toàn công ty, kiểm tra việc sử dụng thông tin kế toán được tiến hành kịp thời, chặt chẽ. tạo điều kiện cho việc nâng cao trình độ nghề nghiệp của nhân viên kế toán.

❖ Về việc hạch toán nói chung

Về tổ chức chứng từ kế toán: Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng đúng mẫu qui định của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ và chính xác theo đúng chứng từ. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ. Các kế toán ở phần hành nào thì lưu chứng từ liên quan đến phần hành đó nên đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

Về hệ thống tài khoản kế toán: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do bộ tài chính ban hành và thông tư hướng dẫn, sửa đổi bổ sung.

Về hình thức tổ chức sổ sách kế toán: Công ty đã lựa chọn hình thức sổ kế toán là hình thức chứng từ ghi sổ. Việc áp dụng hình thức sổ này của công ty đã giảm nhẹ được khối lượng công việc ghi sổ kế toán, việc ghi chép vào các sổ kế toán có liên quan rất rõ ràng và được đối chiếu số liệu dần đều trong tháng tạo điều kiện thuận lợi cho báo cáo kế toán cuối kỳ kinh doanh được lập kịp thời.

❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kinh doanh

Về công tác hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty: Công tác hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty được tổ chức khá tốt. Doanh thu của từng bộ phận hoạt động được phản ánh chi tiết trên phần mềm kế toán, cách làm như vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nắm vững tình hình khả năng hoạt động tham gia vào thị trường xuất nhập khẩu của từng bộ phận hoạt động của công ty.

Do lĩnh vực hoạt động của công ty chủ yếu là cung cấp sản phẩm nông sản, hóa chất cho nên kế toán của công ty đã sử dụng TK 5113 (chi tiết cho từng loại hình) để hạch toán doanh thu trong kỳ. Tài khoản được sử dụng cũng như nội dung hạch toán doanh thu như vậy là hoàn toàn phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Trong điều kiện hiện nay, cùng với sự phát triển của đất nước các hoạt động kinh tế diễn ra liên tục và mang tính phức tạp cao. Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu hoạt động của con người ngày càng cao.

Trong cơ chế thị trường hiện nay sự cạnh tranh gay gắt luôn kèm theo sự rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Do vậy, để giữ vững và khẳng định được vị trí của mình trong cơ chế mới đòi hỏi Công ty phải tìm mọi cách để tăng doanh thu, giảm chi phí, thu được lợi nhuận cao cho công ty của mình. Để đạt được những mục tiêu đó công ty phải mạnh dạn nhận ra những nhược điểm còn tồn tại của mình từ đó có hướng sửa đổi thích hợp, nhằm liên tục kinh doanh phát triển và có lãi.

Về tổ chức kế toán chi phí

Như chúng ta đã biết chi phí kinh doanh là một vấn đề mà hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn tìm mọi cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi khổng mà ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty được theo dõi cụ thể để có thể theo dõi một cách chặt chẽ. Đáp ứng kịp thời, chính xác theo yêu cầu quản lý.

Việc theo dõi chi tiết cho từng nghiệp vụ, từng bộ phận, từng phòng ban tạo điều kiện cho việc kiểm tra số liệu, tài liệu, công tác đối chiếu chứng từ, số liệu trong công ty được dễ dàng hơn. Qua đó đáp ứng được nhu cầu quản lý trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.

Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng công ty giàu kinh nghiệm nên công tác hạch toán doanh thu tại công ty hiện nay khá hiện đại. Với sự hỗ trợ đắc lực của hệ thống máy vi tính và những chương trình được cài đặt sẵn...phần lớn doanh thu được hạch toán và được theo dõi chặt chẽ theo từng bộ phận. Việc hạch toán doanh thu hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước tiến hành hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, đánh giá cụ thể hiệu quả loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

3.1.2. Nhược điểm

Mặc dù đạt được nhiều ưu điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả nói riêng nhưng nhìn chung công tác kế toán của doanh nghiệp còn tồn tại những vấn đề cần phải hoàn thiện. Sau thời gian thực tập tìm hiểu tình hình công ty em xin đề xuất một số ý kiến như sau

3.2. Một số biện pháp nhằm để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác

định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam.

Về hoàn thiện chứng từ: Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam cần xem xét thay đổi cập nhật lại toàn bộ mẫu chứng từ mới để phù hợp với thực trạng hiện nay cũng như đảm bảo theo đúng các quy định của kế toán hiện hành. Thực hiện việc luân chuyển chứng từ theo đúng quy trình, quy định, không làm vắn tắt thủ tục, chứng từ sổ sách cần phải có đầy đủ chữ kí và dấu của các bộ phận liên quan.

Ví dụ: Một số hóa đơn đầu vào tại công ty còn luân chuyển chậm không đúng thời điểm để kê khai, một số trường hợp bỏ sót quý sau mới kê khai; Một số hóa đơn thiếu chữ ký xác nhận của các cá nhân liên quan.

Về chính sách thanh toán công nợ: Quản lý sát sao hơn nữa công nợ với khách hàng, nhà cung cấp chi tiết theo từng hóa đơn bán hàng hay mua hàng. Để việc quản trị công nợ của công ty tốt hơn. Đồng thời tránh nợ quá hạn và nợ khó đòi.

Để theo dõi được công nợ khách hàng và cập nhật các phát sinh mới nhất liên quan đến công nợ: bộ phận kế toán bắt buộc phải có file theo dõi: có thể bằng excel hoặc phần mềm kế toán. Căn cứ vào những thông tin trong hợp đồng, hóa đơn, phiếu xuất/ nhập kho, phiếu chi, giấy báo có ngân hàng, các khoản chiết khấu, hàng trả lại, tỷ giá ... kế toán công nợ sẽ cập nhật vào file theo dõi công nợ, theo dõi một cách liên tục và thường xuyên. Người làm kế toán công nợ phải nắm rõ quy trình kế toán: kiểm soát chứng từ, luân chuyển chứng từ, quy trình thanh toán ... vì rõ ràng việc thu hồi nợ đều liên quan chặt chẽ đến các chứng từ kế toán. Kế toán công nợ phải thường xuyên kiểm soát thời hạn phải thu của các khoản nợ, đo lường các khoản phải thu thông qua các chỉ số như vòng quay các khoản phải thu, tính tuổi nợ để phân loại khách nợ, sớm phát hiện các khoản nợ có vấn đề, nhằm có hướng xử lý kịp thời, tránh để nợ quá hạn tồn đọng nhiều. Định kỳ, kế toán công nợ phải chủ động lập biên bản xác nhận công nợ của từng khách hàng để báo cáo lên cấp trên.

Về chính sách bán hàng: Cần có chính sách hỗ trợ, đưa ra các mức chiết khấu thương mại để có thể kích thích lượng hàng hóa bán ra. Từ đó giúp công ty tăng doanh thu cũng như lợi nhuận.

Công ty nên áp dụng chiết khấu thương mại để thu hút thêm các khách hàng mới cũng như là để giữ chân những vị khách hàng thân quen . Nên có thêm chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng nhanh chóng thanh toán nợ, rút ngắn thời gian luân chuyển vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của công ty

Ví dụ: Công ty có thể cho khách hàng nợ tối đa 15 ngày, nếu khách hàng thanh

toán sớm từ 10-15 ngày thì khách hàng sẽ được hưởng chiết khấu 1% trên tổng tiền thanh toán, nếu khách hàng thanh toán sớm từ 5-10 ngày sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán là 0.5% trên tổng tiền thanh toán.

Ngày 09/07/2023 công ty TNHH Thương mại Long Hà mua một lô hàng, tổng tiền thanh toán là 385.745.000 VND. Hạn thanh toán số tiền trên là vào ngày 24/07/2023. Nhưng đến ngày 12/07/2023 công ty Long Hà đã thanh toán hết số tiền hàng ngày 09/07. Như vậy công ty Long Hà đã thanh toán sớm trước hạn 12 ngày nên sẽ được hưởng chiết khấu 1% trên tổng tiền phải thanh toán. Chiết khấu thanh toán mà công ty Long Hà được hưởng là:

$$1\% \times 385.745.000 = 3.857.450 \text{ VND}$$

Vậy số tiền công ty Long Hà phải thanh toán sau khi trừ đi chiết khấu là:
 $385.745.000 - 3.857.450 = 381.887.550 \text{ VND}$

Kế toán định khoản khoản chiết khấu thanh toán trên như sau:

Nợ TK 112 : 381.887.550

Nợ TK 635 : 3.857.450

Có TK 131: 385.745.00

Về việc trích lập các khoản dự phòng: Ban lãnh đạo công ty nên quan tâm cũng như tiến hành việc trích lập các khoản dự phòng phải trả liên quan đến công tác bán hàng cũng như quản lý doanh nghiệp để không rơi vào tình thế bị động trước những tác động bất ngờ khó lường trước được từ những nhân tố bên ngoài.

Về công tác tổ chức bộ máy kế toán: Công ty nên bổ sung thêm nhân lực kế toán để công việc được chia ra, giảm gánh nặng công việc lên mỗi cá nhân. Từ đó hạn chế được những sai sót cũng như sự tồn đọng công việc từ tháng này dồn sang tháng sau. Đồng thời, công ty nên tổ chức những buổi họp mặt, giao lưu nội bộ với nhau để các phòng ban nói chung và phòng kế toán nói riêng có thể gắn kết với nhau hơn, hiểu nhau hơn. Điều đó, cũng khiến cho công việc diễn ra hiệu quả hơn khi các nhân viên liên kết được với nhau.

Công ty nên thiết lập, xây dựng cho đơn vị một bộ sổ kế toán chính thức và duy nhất theo một hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm của đơn vị để mọi sổ sách chứng từ của công ty được thống nhất với nhau.

Về công tác kế toán bán hàng: Công ty cần xác định được kết quả bán hàng của từng mặt hàng giúp công ty có thể biết được mặt hàng nào lỗ, mặt hàng nào lãi nhằm có những chiến lược hát triển kinh doanh phù hợp, tập trung vào những mặt

hàng trọng tâm nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Điều kiện thực hiện giải pháp

Công ty cần chấp hành nghiêm chỉnh các chuẩn mực, chế độ, chính sách tài chính kế toán của Nhà nước ban hành. Năm bất kịp thời các thay đổi của luật kế toán, chuẩn mực kế toán, các thông tư hướng dẫn để thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước.

Công ty nên quan tâm đầu tư nâng cấp phần mềm kế toán sử dụng. Cần đầu tư cơ sở vật chất đúng mức cho hệ thống kế toán: Để có được các thông tin hữu ích, chính xác và kịp thời cho việc ra các quyết định kinh doanh, các doanh nghiệp cần đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tổ chức kế toán, để có thể tiết kiệm lao động giản đơn và chú trọng vào việc phân tích, xử lý các thông tin kế toán.

Công ty cần chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhân viên kế toán, để người làm kế toán có thể cập nhật các kiến thức mới để hạn chế những sai sót không đáng có gây tổn thất cho Công ty. Cử các nhân viên kế toán đi tham gia các lớp học tập huấn Thuế khi có các chính sách, quy định mới được ban hành để có thể nâng cao trình độ chuyên môn đồng thời cập nhật kịp thời những thay đổi mới để áp dụng cho công tác tại đơn vị.

Tăng cường các hoạt động kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện sai sót, xử lý nghiêm các vi phạm về hoạt động kế toán. Từ đó giúp công ty đảm bảo tính trung thực trong công tác kế toán, giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn trong hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty nên quan tâm hơn tới đời sống của nhân viên, có những chế độ đãi ngộ tốt nhằm động viên khích lệ nhân viên để họ có trách nhiệm hơn trong công việc và cũng như là gắn bó với công ty lâu dài. Bên cạnh đó Công ty cũng cần đặc biệt chú trọng việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cho từng nhân viên kế toán. Đạo đức nghề nghiệp là hết sức quan trọng đối với công việc kế toán.

Tóm lại, để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi phải có sự nỗ lực của cơ quan Nhà nước, của chính những người làm công tác quản lý và những người thực hiện sự chỉ đạo đó. Xuất phát từ nhu cầu của thị trường mà đáp ứng để nâng cao dịch vụ của công ty và cũng từ yêu cầu đòi hỏi về tính hiệu quả trong công việc để thiết kế mô hình quản lý tài chính - kế toán cho thích hợp với công ty trong điều kiện hiện nay.

KẾT LUẬN

Tiêu thụ hàng hoá có một vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, bước cuối cùng trong chu kì sản xuất giúp doanh nghiệp thu hồi vốn bằng

tiền, tiếp tục chu kì sản xuất kinh doanh mới. Nó quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp vì vậy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là một phương thức quản lý tài chính trong doanh nghiệp, công việc thường xuyên và phải luôn được quan tâm.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam em đã nghiên cứu về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Giai đoạn này đã giúp cho em tiếp xúc với công tác kế toán doanh thu bán hàng trong thực tế, làm sáng tỏ các kiến thức về lý luận đã học được trên trường, đồng thời lý luận cơ sở được học cũng giúp soi rõ thực tiễn, cho em thấy được những điểm hạn chế còn tồn tại trong thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu bán hàng xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam. Từ đó em cũng mạnh dạn đưa ra một số đề xuất kiến nghị mong muốn hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại đơn vị.

Thời gian thực tập ở doanh nghiệp là cơ hội tốt để em vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế. Em đã cố gắng học hỏi trao đổi kiến thức để hoàn thành xong luận văn cuối khoá của mình. Tuy vậy, trong bài viết này của em không tránh khỏi những sai sót qua cách trình bày và nhận xét vấn đề.

Em rất mong được sự góp ý của các thầy cô giáo để bài luận của em được hoàn thiện hơn. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn giảng viên hướng dẫn Nguyễn Thị Thúy Hồng và các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH Đầu tư TNP Việt Nam đã tận tình chỉ bảo giúp đỡ em hoàn thành luận văn cuối khoá này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133/TT-BTC ngày 26/08/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. Giáo trình Kế toán tài chính, nhà xuất bản Tài chính. Chủ biên GS.TS. NGND. Ngô Thế Chi; TS. Trương Thị Thủy
3. Giáo trình Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ, nhà xuất bản Tài chính. Chủ biên GS.TS. NGND. Ngô Thế Chi; TS. Trương Thị Thủy
4. Giáo trình Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, nhà xuất bản Tài chính. Chủ biên TS Lưu Đức Tuyên, TS Ngô Thị Thu Hồng
5. Chuẩn mực kế toán Việt Nam
6. Luật kế toán doanh nghiệp
7. Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)
8. Tài liệu kế toán, chứng từ, sổ sách, báo cáo tài chính của công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Ngọc Cường
9. Trang web:
 - <http://www.google.com.vn>
 - <http://webketoan.com>
 - <http://thuvienphapluat>.
10. Luận văn mẫu về đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh” của các tác giả khác nhau.